

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG  
---o0o---

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI:**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP  
CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU  
LỊCH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG  
MẠI VÀ DU LỊCH TÂN THÀNH ĐẠT**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN : TRẦN KHÁNH HUYỀN  
MÃ SINH VIÊN : A16915  
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN**

**HÀ NỘI - 2014**

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG  
---o0o---

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI:**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP  
CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ  
DU LỊCH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TÂN THÀNH ĐẠT**

**Giáo viên hướng dẫn : Th.s Mai Thanh Thủy**  
**Sinh viên thực hiện : Trần Khánh Huyền**  
**Mã sinh viên : A16915**  
**Chuyên ngành : Kế toán**

**HÀ NỘI – 2014**

## LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sự tri ân sâu sắc đối với các thầy cô của trường Đại học Thăng Long, các thầy cô trong khoa Kế Toán của trường đã giúp đỡ, chỉ bảo, hướng dẫn và truyền đạt cho em những kiến thức vô cùng quý báu trong thời gian em học tập tại trường. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới cô Mai Thanh Thủy đã nhiệt tình hướng dẫn để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận của mình.

Đồng thời, em cũng xin gửi lời cảm ơn tới ban lãnh đạo, các cô chú cùng các anh chị trong phòng tài chính – kế toán của công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại công ty, được trực tiếp theo dõi quá trình làm việc tại công ty, giải đáp những thắc mắc cũng như cho em thêm nhiều những kiến thức bổ ích phục vụ cho quá trình làm bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Do trình độ lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn của em còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn kiến thức của mình.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Hà Nội, tháng 7 năm 2014

Sinh viên

**Trần Khánh Huyền**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

**Trần Khánh Huyền**

**LỜI MỞ ĐẦU****CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI DOANH NGHIỆP KINH DOANH DU LỊCH.....1****1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch .....1****1.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh du lịch .....1****1.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.....1****1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ...2****1.2. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.....2****1.2.1. Khái niệm chi phí sản xuất .....2****1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất .....3****1.2.2.1. Phân loại theo yếu tố chi phí.....3****1.2.2.2. Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.....4****1.2.2.3. Phân loại theo mối quan hệ chi phí và khối lượng công việc .....4****1.2.2.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ chi phí với đối tượng chịu chi phí .....5****1.3. Giá thành và phân loại giá thành.....5****1.3.1. Khái niệm giá thành .....5****1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm .....6****1.4. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành .....7****1.4.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất .....7****1.4.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm .....7****1.4.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành .....7****1.5. Kỳ tính giá thành .....8****1.6. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành .....9****1.6.1. Phương pháp tập hợp chi phí .....9****1.6.2. Các phương pháp tính giá thành.....9****1.6.2.1. Phương pháp tính giá thành trực tiếp (phương pháp giản đơn) .....9****1.6.2.3. Phương pháp tỷ lệ.....10****1.6.2.4. Phương pháp tổng cộng chi phí.....10****1.6.2.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ.....10****1.6.2.6. Phương pháp liên hợp.....11****1.6.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm, dịch vụ.....11**

<b>1.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX).....</b>	<b>11</b>
<i>1.7.1. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>11</i>
<i>1.7.2. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>12</i>
<i>1.7.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....</i>	<i>12</i>
<i>1.7.2.2. Chi phí nhân công trực tiếp .....</i>	<i>13</i>
<i>1.7.2.3. Chi phí sản xuất chung .....</i>	<i>14</i>
<i>1.7.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX).....</i>	<i>16</i>
<b>1.8. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) .....</b>	<b>16</b>
<i>1.8.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) .....</i>	<i>16</i>
<i>1.8.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) .....</i>	<i>17</i>
<b>1.9. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ .....</b>	<b>18</b>
<i>1.9.1. Khái niệm .....</i>	<i>18</i>
<i>1.9.2. Phương pháp đánh giá SPDD cuối kỳ .....</i>	<i>19</i>
<i>1.9.2.1. Xác định giá trị SPDD theo chi phí nguyên vật liệu chính .....</i>	<i>19</i>
<i>1.9.2.2. Xác định giá trị theo sản lượng hoàn thành ước tính tương đương .....</i>	<i>19</i>
<i>1.9.2.3. Xác định SPDD theo 50% chi phí chế biến.....</i>	<i>20</i>
<i>1.9.2.4. Xác định giá trị SPDD theo chi phí NVL trực tiếp hoặc theo chi phí trực tiếp .....</i>	<i>20</i>
<i>1.9.2.5. Xác định giá trị SPDD theo chi phí định mức hoặc kế hoạch .....</i>	<i>20</i>
<b>1.10. Thử tính giá thành sản phẩm.....</b>	<b>20</b>
<b>1.11. Các hình thức sổ kế toán áp dụng trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.....</b>	<b>21</b>
<i>1.11.1. Hình thức nhật ký chung:.....</i>	<i>21</i>
<i>1.11.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái .....</i>	<i>22</i>
<i>1.11.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....</i>	<i>23</i>
<i>1.11.4. Hình thức Nhật ký – chứng từ.....</i>	<i>24</i>
<i>1.11.5. Hình thức trên máy vi tính.....</i>	<i>25</i>
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TÂN THÀNH ĐẠT.....</b>	<b>27</b>
<b>2.1. Khái quát chung về công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....</b>	<b>27</b>

<b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty .....</b>	<b>27</b>
<b>2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....</b>	<b>27</b>
<b>2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....</b>	<b>28</b>
<b>2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.....</b>	<b>30</b>
<b>2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty .....</b>	<b>30</b>
<b>2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt .....</b>	<b>31</b>
<b>2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....</b>	<b>32</b>
<b>2.2.1. Đặc điểm về hoạt động kinh doanh tour du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....</b>	<b>32</b>
<b>2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành.....</b>	<b>32</b>
<b>2.2.3. Phương pháp tập hợp chi phí và phương pháp tính giá thành.....</b>	<b>33</b>
<b>2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt .....</b>	<b>33</b>
<b>2.2.4.1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....</b>	<b>33</b>
<b>2.2.4.2. Chi phí nhân công trực tiếp .....</b>	<b>42</b>
<b>2.2.4.3. Chi phí sản xuất chung .....</b>	<b>50</b>
<b>2.2.4.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất.....</b>	<b>57</b>
<b>2.3. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt .....</b>	<b>59</b>
<b>2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt .....</b>	<b>59</b>
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP GIÚP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TÂN THÀNH ĐẠT.....</b>	<b>64</b>
<b>3.1. Đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....</b>	<b>64</b>
<b>3.1.1. Ưu điểm.....</b>	<b>64</b>
<b>3.1.2. Hạn chế.....</b>	<b>66</b>
<b>3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....</b>	<b>67</b>
<b>KẾT LUẬN</b>	

## DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BPBTL	Bảng phân bổ tiền lương
BTC	Bộ Tài Chính
GBN	Giấy báo nợ
GTGT	Giá trị gia tăng
HD	Hóa đơn
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
KKTX	Kê khai thường xuyên
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NT	Ngày tháng
NVGS	Nhân viên giám sát
NVHD	Nhân viên hướng dẫn
NVL	Nguyên vật liệu
PC	Phiếu chi
QĐ	Quyết định
SH	Số hiệu
SPDD	Sản phẩm dở dang
TK	Tài khoản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VNĐ	Việt Nam Đồng



## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ, CÔNG THỨC

Trang

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ phân loại giá thành sản phẩm.....	6
Sơ đồ 1.2. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm .....	11
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (KKTX).....	13
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp (KKTX).....	14
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung (KKTX).....	15
Sơ đồ 1.6. Phương pháp hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất .....	16
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (KKĐK) .....	17
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (KKĐK).....	18
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung .....	22
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái.....	23
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ .....	24
Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ.....	25
Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính .....	26
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....	28
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....	30
Bảng 1.1. Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ .....	21
Bảng 2.1. Hóa đơn dịch vụ khách sạn .....	35
Bảng 2.2. Giấy báo nợ của ngân hàng.....	36
Bảng 2.3. Hóa đơn dịch vụ ăn uống tại nhà hàng.....	37
Bảng 2.4. Giấy báo nợ ngân hàng .....	38
Bảng 2.5. Hóa đơn dịch vụ vận chuyển.....	39
Bảng 2.6. Bảng quyết toán xe tháng 12/2013.....	40
Bảng 2.7. Giấy báo nợ của ngân hàng.....	41
Bảng 2.8. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 15411 .....	42
Bảng 2.9. Bảng lương tháng 12 năm 2013 tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.....	44
Bảng 2.10. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2013 ....	46
Bảng 2.11. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên hướng dẫn cho từng tour du lịch tháng 12/2013 .....	47
Bảng 2.12. Bảng doanh thu và tiền thưởng nhân viên hướng dẫn theo tour Tháng 12/2013 .....	48
Bảng 2.13. Phiếu Chi.....	49

Bảng 2.14. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 15412.....	50
Bảng 2.15. Bảng phân bổ tiền lương của nhân viên giám sát cho từng tour du lịch tháng 12/2013 .....	52
Bảng 2.16. Bảng doanh thu và tiền thưởng nhân viên giám sát Tháng 12/2013 .....	53
Bảng 2.17. Phiếu Chi.....	53
Bảng 2.18. Hóa đơn hoa hồng môi giới.....	54
Bảng 2.19. Phiếu chi.....	55
Bảng 2.20. Phiếu chi.....	56
Bảng 2.21. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 15413.....	57
Bảng 2.22. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 632.....	58
Bảng 2.23. Thẻ tính giá thành tour du lịch Xuyên Việt .....	59
Bảng 2.24. Sổ Nhật ký chung.....	60
Bảng 2.25. Sổ cái – TK 154 .....	62

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, du lịch được xem là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống kinh tế xã hội và trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng đã và đang dùng mọi biện pháp để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Cùng với các chính sách chủ trương thu hút khách du lịch như các hoạt động văn hóa, các hoạt động quảng bá hình ảnh Việt Nam trên các phương tiện truyền thông, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch cũng đóng vai trò quan trọng. Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt đóng vai trò không nhỏ trong việc thu hút khách du lịch. Tuy nhiên, trong kinh doanh dịch vụ du lịch còn nhiều tồn tại cần khắc phục như tình trạng thất thoát, lãng phí vật liệu chế biến, tiền vốn...Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp kinh doanh du lịch phải tăng cường quản lý chặt chẽ, đặc biệt trong công tác tập hợp chi phí và tính giá thành. Do vậy, em đã quyết định chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt ”.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Dựa trên hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành kết hợp với việc khảo sát tình hình thực tế tại phòng tài chính – kế toán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt, từ đó đưa ra được một số ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề liên quan tới công tác tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch bao gồm xác định các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung sau đó tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang rồi từ đó tính được giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4. Kết cấu khóa luận

Khóa luận tốt nghiệp của em bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.

Chương 3: Một số ý kiến đóng góp giúp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI DOANH NGHIỆP KINH DOANH DU LỊCH

### **1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch**

#### **1.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh du lịch**

##### **Khái niệm hoạt động kinh doanh du lịch:**

Hoạt động kinh doanh du lịch là việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, thiết lập các chương trình du lịch trọn gói hay từng phần, quảng cáo và bán các chương trình này trực tiếp hay gián tiếp qua các trung gian hay văn phòng đại diện, tổ chức thực hiện chương trình và hướng dẫn du lịch

##### **Hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ bao gồm những đặc điểm sau:**

- Ngành du lịch là ngành kinh tế có hiệu quả cao, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn đầu tư rất lớn, thời gian thu hồi vốn nhanh, song đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu phải nhiều.
- Kinh doanh du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, bao gồm nhiều ngành hoạt động khác nhau như: kinh doanh hướng dẫn du lịch, kinh doanh hàng hoá, kinh doanh vận tải, kinh doanh ăn uống, khách sạn... Các hoạt động này có quy trình công nghệ khác nhau, chi phí kinh doanh cũng không giống nhau.
- Hoạt động kinh doanh du lịch mang tính thời vụ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội...
- Sản phẩm của hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ nói chung không có hình thái vật chất, không có quá trình nhập, xuất kho, chất lượng sản phẩm nhiều khi không ổn định, thường không có sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Đối tượng của ngành du lịch luôn luôn di động và rất phức tạp, số lượng khách du lịch và số ngày khách lưu lại luôn biến động. Trong cùng một đợt nghỉ, nhu cầu của từng nhóm khách về ăn ở, tham quan cũng rất khác nhau. Tổ chức hoạt động du lịch khá phân tán và không ổn định.
- Quá trình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm du lịch được tiến hành đồng thời ngay cùng một thời điểm.

#### **1.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch**

Hoạt động về dịch vụ du lịch phát triển góp phần đảm bảo mức độ phát triển của nền kinh tế quốc dân một cách toàn diện cân đối và thống nhất. Từ đó sẽ nâng cao được hiệu quả kinh doanh xã hội, tăng thu nhập quốc dân và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu của bất cứ một doanh nghiệp nào kinh doanh trong lĩnh vực du lịch là làm như thế nào để thu hút được nhiều khách du lịch, hạ giá thành sản

phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đáp ứng được yêu cầu ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động. Muốn làm được điều đó thì trong quá trình hạch toán cần có sự quản lý chặt chẽ, hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí bỏ ra phục vụ cho hoạt động kinh doanh của đơn vị. Có như vậy mới đảm bảo bù đắp được chi phí về lao động sống và lao động vật hóa trong quá trình hoạt động du lịch và để lại lợi nhuận cho đơn vị. Vấn đề này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạch toán chi phí dịch vụ du lịch và tính giá thành sản phẩm, giúp bộ máy quản lý của đơn vị thường xuyên nắm được tình hình thực hiện các định mức hao phí về lao động sống, nguyên liệu và các chi phí khác của đơn vị, nắm được tình hình lãng phí và tổn thất trong quá trình phục vụ, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành đơn vị. Ngoài ra còn giúp bộ máy của đơn vị nắm được những mặt tốt, những mặt còn tồn tại trong quá trình hoạt động của đơn vị, trên cơ sở đó đánh giá được hiệu quả kinh tế, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ và hạ giá thành sản phẩm dịch vụ. Chính vì vậy, tổ chức tốt công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm dịch vụ có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc tăng cường và cải tiến công tác quản lý giá thành nói riêng và quản lý đơn vị nói chung.

### ***1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ***

Để tổ chức tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đáp ứng đầy đủ trung thực và kịp thời yêu cầu quản lý của cả doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đầu tiên, kế toán cần xác định đúng đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sao cho phù hợp với đặc thù cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đồng thời tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đối tượng và phương pháp đã xác định.
- Sau đó, kế toán tổ chức tập hợp, kết chuyển hoặc phân bổ từng loại chi phí theo đúng đối tượng và phương pháp đã xác định trước, cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và yếu tố chi phí đã quy định, xác định đúng đắn trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Định kỳ, kế toán cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành cho các cấp quản lý doanh nghiệp, tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức và dự toán chi phí, phân tích tình hình thực hiện giá thành và kế hoạch hạ giá thành sản phẩm. Phát hiện các hạn chế và khả năng tiềm tàng, đề xuất các biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

## **1.2. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất**

### ***1.2.1. Khái niệm chi phí sản xuất***

- Chi phí thể hiện các phí tổn hay thiệt hại mà doanh nghiệp phải gánh chịu, hy sinh khi sản xuất một khối lượng hàng hóa hay dịch vụ nào đó.

- Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định có thể là tháng, quý, năm thực chất chi phí bằng sự chuyển dịch vốn, giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá như sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.
- Chi phí sản xuất trong đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch mang một đặc thù riêng, cụ thể chi phí phát sinh chủ yếu trong đơn vị này thường là những chi phí do đơn vị bỏ ra để mua các dịch vụ đầu vào từ các đơn vị bên ngoài để phục vụ cho công tác tổ chức du lịch của công ty.

### ***1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất***

Việc phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau, phù hợp sẽ vừa đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, vừa đáp ứng được yêu cầu của công tác tập hợp chi phí sản xuất, thúc đẩy doanh nghiệp không ngừng tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Nó không những có ý nghĩa quan trọng đối với công tác hạch toán mà còn là tiền đề rất quan trọng của việc lập kế hoạch, kiểm tra và phân tích chi phí sản xuất trong toàn doanh nghiệp cũng như từng bộ phận cấu thành bên trong doanh nghiệp.

Có thể kể tới một số cách phân loại chủ yếu sau đây:

#### ***1.2.2.1. Phân loại theo yếu tố chi phí***

Theo cách phân loại này, các chi phí có cùng nội dung, tính chất kinh tế được xếp chung vào một yếu tố, không kể đến chi phí phát sinh ở đâu hay dùng vào mục đích gì trong quá trình sản xuất, bao gồm 7 yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu là toàn bộ các chi phí phát sinh để mua sắm các đối tượng lao động cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Chi phí nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương bao gồm tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên.
- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn phản ánh các khoản trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp phải trả công nhân viên.
- Chi phí khấu hao TSCĐ phản ánh số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả tài sản cố định sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm các khoản thanh toán cho các yếu tố mua ngoài mà doanh nghiệp thực hiện như: chi phí nhiên liệu, năng lượng, thuê ngoài sửa chữa, kiểm toán, chi phí điện nước...



- Chi phí bằng tiền khác phản ánh toàn bộ các chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất – kinh doanh trong kỳ ví dụ như các khoản thuế, lệ phí phải nộp, chi phí hoạt động tài chính, hoạt động bất thường...

Việc phân loại sản phẩm sản xuất theo yếu tố chi phí cho biết kết cấu, tỷ trọng từng yếu tố sản xuất để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán, là cơ sở để lập kế hoạch giúp cho việc thực hiện công tác kế toán cũng như công tác quản lý chi phí sản xuất một cách nhanh chóng và chính xác.

#### ***1.2.2.2. Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm***

Người ta căn cứ và công dụng kinh tế của chi phí để phân loại: những chi phí có cùng công dụng kinh tế thì được xếp vào cùng một khoản mục chi phí bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và vật liệu khác tham gia trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo ra sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp phản ánh chi phí lao động trực tiếp để sản xuất ra sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong các doanh nghiệp, chi phí này thường bao gồm chi phí về tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương cho nhân công lao động trực tiếp tạo ra sản phẩm.
- Chi phí sản xuất chung phản ánh những chi phí phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp ngoài 2 loại chi phí nói trên.
- Chi phí bán hàng còn gọi là chi phí lưu thông, tiếp thị, phục vụ cho quá trình lưu thông hàng hóa, nó phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ cho gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển, giới thiệu, bảo hành sản phẩm...vv
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính....

Phân loại theo khoản mục chi phí có tác dụng phục vụ cho quản lý chi phí sản xuất theo định mức, cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành sản phẩm, lập kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

#### ***1.2.2.3. Phân loại theo mối quan hệ chi phí và khối lượng công việc***

Theo cách phân loại này thì chi phí được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí cố định (chi phí bất biến): là loại chi phí mà tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động.
- Chi phí biến đổi (chi phí khả biến, biến phí): là các chi phí thay đổi về tổng số tỷ lệ với sự thay đổi của mức độ hoạt động.
- Chi phí hỗn hợp là chi phí mà nó bao gồm cả định phí và biến phí.

Cách phân loại này giúp nhà quản trị nắm được mô hình chi phí - khối lượng - lợi nhuận để xác định điểm hoà vốn, nhằm đưa ra giải pháp tối ưu trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả chi phí, làm hạ giá thành sản phẩm.

#### ***1.2.2.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ chi phí với đối tượng chịu chi phí***

Theo cách phân loại này, chi phí được phân thành:

- Chi phí cơ bản: là những chi phí thuộc các yếu tố cơ bản của quá trình kinh doanh như chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng vào sản xuất và những chi phí trực tiếp khác.
- Chi phí quản lý phục vụ: là những chi phí có tính chất quản lý, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Những chi phí cơ bản liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tính giá thành thì hạch toán trực tiếp, còn những chi phí cơ bản nào liên quan đến nhiều đối tượng tính giá thành thì trực tiếp phân bổ các đối tượng tính giá thành theo các tiêu thức thích hợp.

### **1.3. Giá thành và phân loại giá thành**

#### ***1.3.1. Khái niệm giá thành***

**Khái niệm:**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành trong kỳ (tháng, quý, năm)

Giá thành sản phẩm dịch vụ du lịch là toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp...được tính bằng tiền để hoàn thành một sản phẩm du lịch nhất định, đó có thể là một tour du lịch...Trong kinh doanh dịch vụ du lịch thường thì ít xảy ra trường hợp có sản phẩm dở dang, do vậy, giá thành sản phẩm dịch vụ thường sẽ chính bằng với chi phí sản xuất, kinh doanh.

**Bản chất của giá thành:**

- Giá thành được coi là chỉ tiêu tổng hợp giúp doanh nghiệp phản ánh được chất lượng hoạt động kinh doanh, trình độ tổ chức quản lý kinh tế.
- Giá thành là cơ sở xác định kết quả tài chính.
- Giá thành là công cụ để kiểm tra chất lượng hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

**Chức năng của giá thành:**

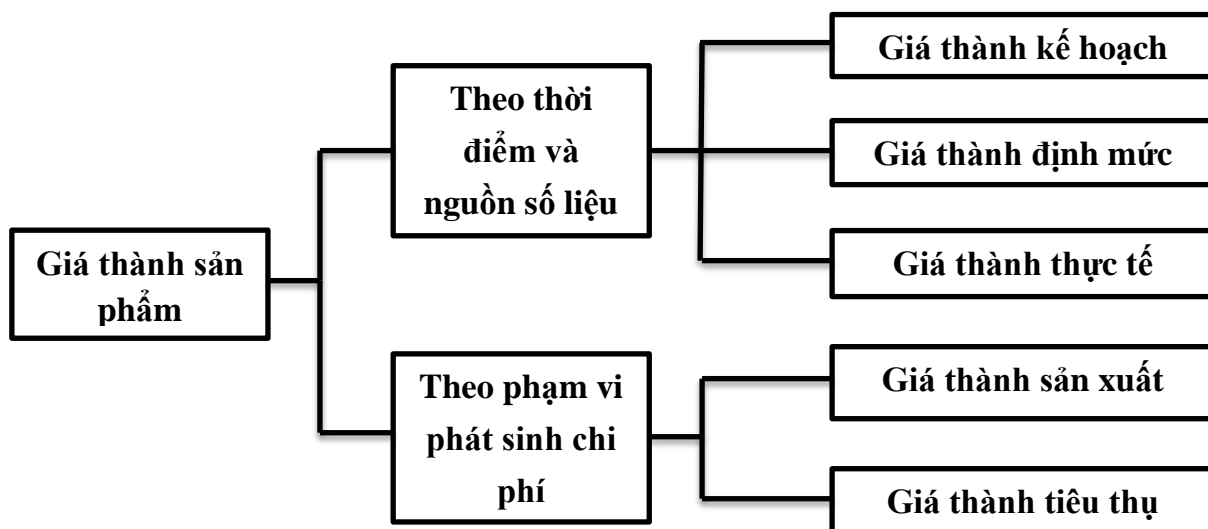
- Chức năng thước đo bù đắp chi phí: Giá thành được xem là cơ sở để doanh nghiệp xác định xác định khả năng bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để phục vụ cho công tác sản xuất ra sản phẩm, dịch vụ của mình.
- Chức năng lập giá: ta căn cứ vào giá thành sản phẩm để thực hiện chức năng bù đắp chi phí. Do vậy, giá thành là cơ sở giúp doanh nghiệp lập giá.



### 1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty, giá thành được xem xét trên nhiều góc độ. Do vậy, giá thành được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau để phù hợp với yêu cầu của từng doanh nghiệp khác nhau.

**Sơ đồ 1.1. Sơ đồ phân loại giá thành sản phẩm**



Phân loại theo thời điểm và nguồn số liệu

- Giá thành kế hoạch: được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán kinh phí của kỳ kế hoạch.
- Giá thành định mức: được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch.
- Giá thành thực tế: là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh trong sản xuất sản phẩm.

Phân theo phạm vi phát sinh chi phí

- Giá thành sản xuất ( giá thành công xưởng ): được tính toán dựa trên chi phí sản xuất, chế tạo sản phẩm tính cho sản phẩm lao vụ hoàn thành. Nó là căn cứ xác định giá vốn hàng bán và để tính lợi nhuận gộp.
- Giá thành tiêu thụ ( giá thành toàn bộ ): gồm giá thành sản xuất và chi phí ở khâu tiêu thụ sản phẩm dịch vụ của các sản phẩm dịch vụ đã xác định là tiêu thụ. Giá thành toàn bộ chỉ được tính toán xác định đối với những sản phẩm đã tiêu thụ và là căn cứ để tính lợi nhuận trước thuế.

Giá thành toàn bộ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm} = \text{Giá thành sản xuất của sản phẩm} + \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} + \text{Chi phí bán hàng}$$

## **1.4. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành**

### **1.4.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

Khái niệm: Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là địa điểm phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

Xác định đối tượng tập hợp chi phí:

- Theo tình hình tổ chức của doanh nghiệp tiến hành các loại hoạt động kinh doanh thì đối tượng tập hợp chi phí có thể là từng hoạt động kinh doanh cụ thể.
- Theo yêu cầu và trình độ quản lý, nếu tiến hành hạch toán kinh tế nội bộ trong doanh nghiệp thì chi phí có thể được tập hợp theo từng cơ sở, từng địa điểm kinh doanh để có thể hạch toán kinh tế nội bộ tạo điều kiện cho công tác kiểm tra, phân tích và xác định kết quả hạch toán kinh tế của từng cơ sở.

Như vậy, xác định đối tượng tập hợp chi phí một cách khoa học, hợp lý là cơ sở để tổ chức kế toán chi phí, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết...

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tính chất, đặc điểm tổ chức, quy trình công nghệ
- Trình độ quản lý và nhu cầu thông tin của quản lý
- Yêu cầu thông tin cho việc tính giá thành
- Trình độ khả năng của bộ máy kế toán

### **1.4.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Khái niệm: Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định để tính giá thành đơn vị.

Trong ngành dịch vụ du lịch do tổ chức sản xuất mang đặc điểm đơn chiếc, mỗi loại sản phẩm dịch vụ đến phải có một mức dự toán riêng nên đối tượng tính giá thành trong dịch vụ du lịch là các hoạt động kinh doanh đã hoàn thành đem vào sử dụng ( tiêu thụ ) tức là những dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Việc xác định đối tượng tính giá thành ở từng doanh nghiệp cụ thể cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất
- Quy trình công nghệ sản xuất
- Các yêu cầu quản lý, cung cấp thông tin cho việc ra quyết định trong doanh nghiệp
- Khả năng trình độ hạch toán

### **1.4.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành**

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là hai khái niệm khác nhau nhưng có mối quan hệ rất mật thiết. Việc xác định hợp lý đối tượng kế toán tập hợp chi phí là tiền đề, điều kiện để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành

trong doanh nghiệp. Trong thực tế, một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể trùng với một đối tượng tính giá thành. Trong nhiều trường hợp khác, một đối tượng kế toán tập hợp chi phí lại bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành sản phẩm. Ngược lại, một đối tượng tính giá thành cũng có thể bao gồm nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí. Mỗi quan hệ giữa đối tượng kế toán tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành ở một doanh nghiệp cụ thể sẽ quyết định việc lựa chọn phương pháp tính giá thành và kỹ thuật tính giá thành ở doanh nghiệp đó. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành có điểm giống và khác nhau như sau:

- Giống nhau: Đối tượng kế toán tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành giống nhau về bản chất, đều là những phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích, kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm. Giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, việc xác định hợp lý đối tượng kế toán tập hợp chi phí là tiền đề, điều kiện để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp.
- Khác nhau: Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định những phạm vi, giới hạn cần được tập hợp, phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm dịch vụ còn đối với đối tượng tính giá thành thì có liên quan đến kết quả quá trình kinh doanh làm căn cứ để lập bảng tính giá thành theo đối tượng đã xác định. Trong kinh doanh du lịch ở một khía cạnh nào đó thì đối tượng tập hợp chi phí có phạm vi rộng hơn đối tượng tính giá thành.

### 1.5. Kỳ tính giá thành

**Khái niệm:** Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng đã xác định.

**Xác định kỳ tính giá thành:** Không thể tính giá thành vào bất cứ thời điểm nào mà phải dựa vào khả năng xác định đúng đắn về số lượng sản phẩm làm ra và lượng chi phí sản xuất có liên quan đến kết quả đó. Xuất phát từ đặc điểm này nên kỳ tính giá thành không thể giống nhau cho các ngành, nghề sản xuất khác nhau. Tùy theo chu kỳ sản xuất dài hay ngắn cũng như đặc điểm sản xuất sản phẩm mà xác định kỳ tính giá thành cho phù hợp, cụ thể :

- Đối với các doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo nhiều chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành thích hợp là tháng.
- Đối với doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt theo đơn đặt hàng của khách hàng thì kỳ tính giá thành thích hợp là thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm.

## 1.6. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành

### 1.6.1. Phương pháp tập hợp chi phí

Tập hợp chi phí và tính giá thành có thể nói là khâu quan trọng nhất trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp cần lựa chọn cho mình phương thức tập hợp chi phí và tính giá thành cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp để có thể ghi chép và phản ánh một cách chính xác nhất chi phí và giá thành thực tế của doanh nghiệp. Để tập hợp chi phí sản xuất có thể sử dụng 1 trong 2 phương pháp:

- Phương pháp tập hợp trực tiếp: Phương pháp này được áp dụng đối với các chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định và công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.
- Phương pháp phân bổ gián tiếp: Phương pháp này được áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí, không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này phải lựa chọn tiêu chuẩn hợp lý để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan.

### 1.6.2. Các phương pháp tính giá thành

#### 1.6.2.1. Phương pháp tính giá thành trực tiếp (phương pháp giản đơn)

Phương pháp này thường được áp dụng trong doanh nghiệp thuộc loại hình kinh doanh giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác... Theo phương pháp này, giá thành được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành thực} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{tế của khối lượng sản} & & \text{phẩm, dịch} & & \text{xuất thực tế} & & \text{phẩm,} \\ \text{phẩm, dịch vụ hoàn} & = & \text{vụ dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{dịch vụ dở} \\ \text{thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{dang cuối} \\ & & & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

Sau khi tính được tổng giá thành thực tế của từng khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành, ta có thể tính được giá thành đơn vị sản phẩm dịch vụ:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá} & & \text{Tổng giá thành sản phẩm, dịch vụ hoàn thành} \\ \text{thành} & = & \hline \text{đơn vị} & & \text{Số lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành} \end{array}$$

#### 1.6.2.2. Phương pháp tính giá thành theo hệ số

Để tính được thì trước hết kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy đổi các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, rồi dựa vào để tính giá thành gốc và giá thành từng loại sản phẩm. Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá

trình sản xuất, cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều thứ sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất. Theo phương pháp hệ số, ta có công thức tính giá thành như sau:

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Z}_0\text{)} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi (Q}_0\text{)}}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thành đơn} & & \text{Giá thành đơn} & & \text{Hệ số quy} \\ \text{vị sản phẩm i} & = & \text{vị sản phẩm} & \times & \text{đổi sản} \\ & & \text{gốc (Z}_0\text{)} & & \text{phẩm i (H}_i\text{)} \\ & & & & \text{phẩm i (H}_i\text{)} \end{array}$$

Trong đó:  $Q_0 = \sum H_i \times Q_i$

$Q_i$ : Số lượng sản phẩm i (chưa quy đổi)

#### 1.6.2.3. Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này thường áp dụng trong doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm, có quy cách, phẩm chất khác nhau. Do vậy, để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với kế hoạch, kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại. Ta có công thức tính giá thành như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành kế hoạch} & & \text{Tỷ lệ giữa chi phí thực tế so} \\ \text{thực tế đơn vị} & = & \text{hoặc định mức đơn vị} & \times & \text{với chi phí kế hoạch hoặc định} \\ \text{sản phẩm} & & \text{thực tế sản phẩm từng} & & \text{mức của tất cả các loại sản} \\ \text{từng loại} & & \text{loại} & & \text{phẩm} \end{array}$$

#### 1.6.2.4. Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ. Ta có công thức như sau:

$$Z = C_1 + C_2 + \dots + C_n$$

Trong đó Z: Tổng giá thành

$C_1 \dots C_n$ : Chi phí sản xuất ở các giai đoạn nằm trong giá thành

#### 1.6.2.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được những sản phẩm phụ. Giá trị sản phẩm phụ có thể được xác định theo nhiều phương pháp như giá có thể sử dụng, giá trị ước tính....

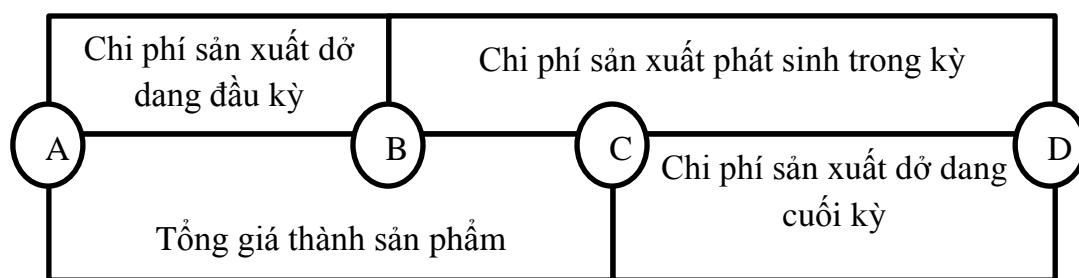
#### 1.6.2.6. Phương pháp liên hợp

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp có tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm làm ra đòi hỏi việc tính giá thành phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như doanh nghiệp hóa chất, may mặc...

#### 1.6.3. *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm, dịch vụ*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau, tuy nhiên, chúng lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện hai mặt khác nhau của quá trình sản xuất: chi phí sản xuất thì phản ánh hao phí của quá trình sản xuất còn giá thành sản phẩm phản ánh mặt kết quả của quá trình sản xuất. Chúng đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất. Trong trường hợp giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

**Sơ đồ 1.2. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**



Nhìn vào sơ đồ, ta dễ dàng thấy:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{thành sản} & = & \text{xuất dở} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{phẩm} & & \text{dang đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Từ công thức trên, ta thấy rằng giá thành có liên quan tới cả chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và chi phí kỳ trước chuyển sang. Giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã sản xuất hoàn thành trong kỳ mà không tính đến chi phí đó được phát sinh ở kỳ nào còn chi phí sản xuất gồm chi phí bỏ ra trong một kỳ sản xuất mà không quan tâm đến sản phẩm đã được hoàn thành hay là chưa hoàn thành.

### 1.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTXX)

#### 1.7.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, quyết định số 48/2006/QĐ – BTC áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo quyết định này, tài khoản được kế toán sử dụng là TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Tài khoản 154 được sử dụng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ: chi phí sản xuất, kinh doanh của khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong

kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ, cuối kỳ của các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Kết cấu TK 154

Nợ	TK 154	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm, dịch vụ</li> <li>- Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ hoàn thành</li> <li>- Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).</li> </ul>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối kỳ.		

### 1.7.2. Trình tự hạch toán

#### 1.7.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

##### Khái niệm:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu...được sử dụng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm và thực hiện lao vụ, dịch vụ. Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp tới đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt như kinh doanh hàng ăn, kinh doanh vận chuyển, kinh doanh dịch vụ...thì được hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan tới nhiều đối tượng tập hợp chi phí không thể tách riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ cho các đối tượng có liên quan.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh về dịch vụ, du lịch thì chi phí nguyên vật liệu là các khoản chi phí phải trả cho các hoạt động ăn uống, ngủ nghỉ, vé đồ, phà, chi phí thuê phương tiện vận chuyển, tiền vé vào cửa các di tích, danh lam thắng cảnh...

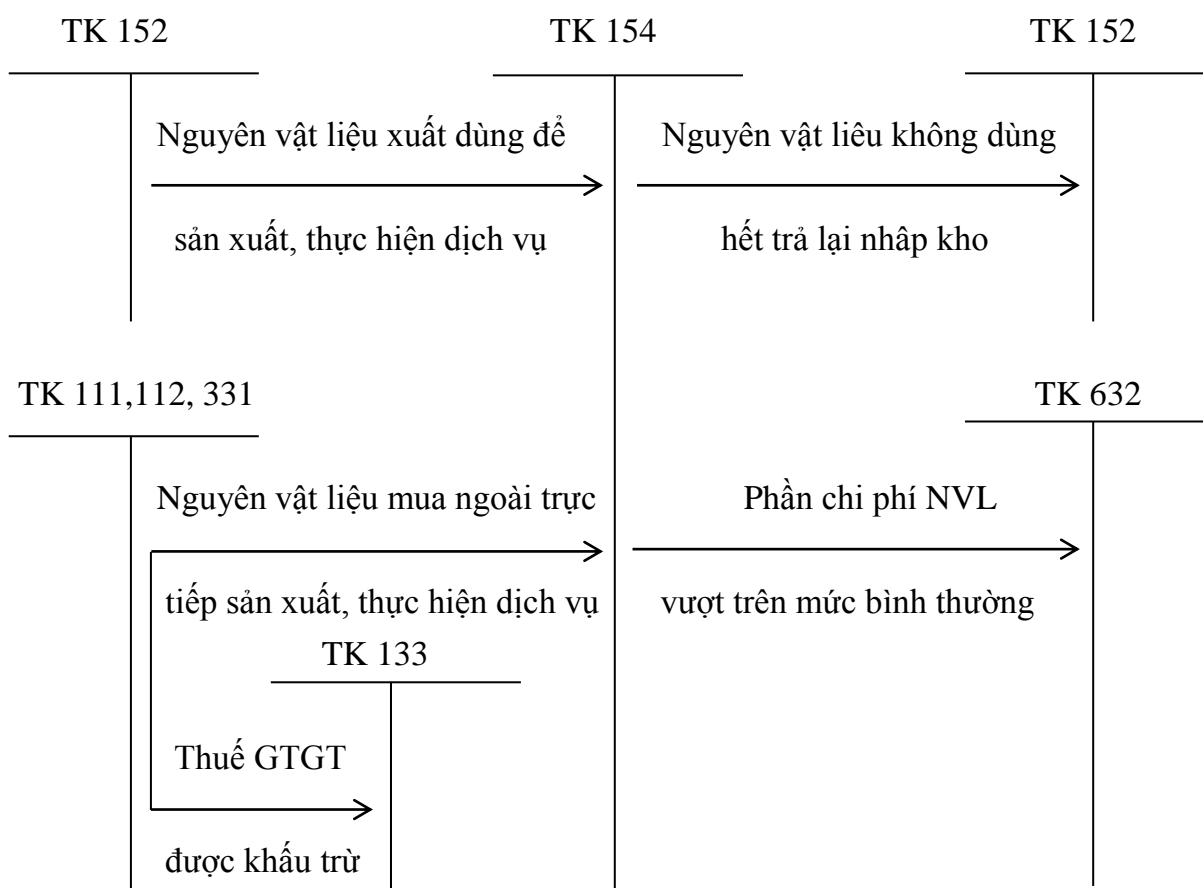
**Tài khoản sử dụng:** Để theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 154

##### Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu thu, chi, giấy báo ngân hàng....



### Sơ đồ 1.3. Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (KCTX)



#### 1.7.2.2. Chi phí nhân công trực tiếp

##### Khái niệm:

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương theo quy định (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN). Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất, đối tượng lao động khác được thể hiện trên bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương.

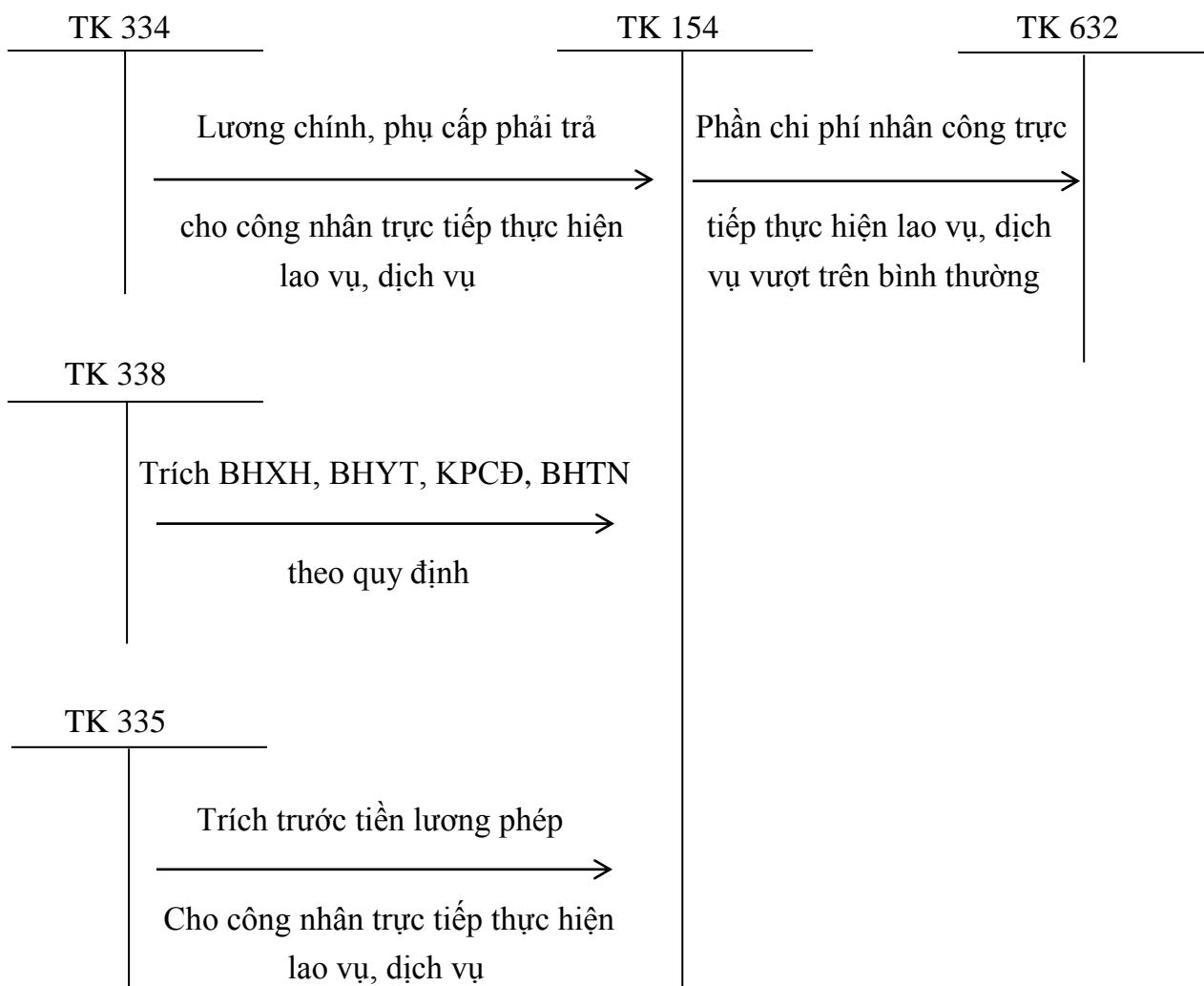
Chi phí nhân công trực tiếp tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch chính là khoản chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả cho nhân viên hướng dẫn du lịch bao gồm lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương.

**Tài khoản sử dụng:** Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 154

**Chứng từ sử dụng:** Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, một số chứng từ khác liên quan.



#### Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp (KKTX)



#### 1.7.2.3. Chi phí sản xuất chung

##### Khái niệm:

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm, thực hiện lao vụ dịch vụ sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là khoản chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp bao gồm lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận... chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

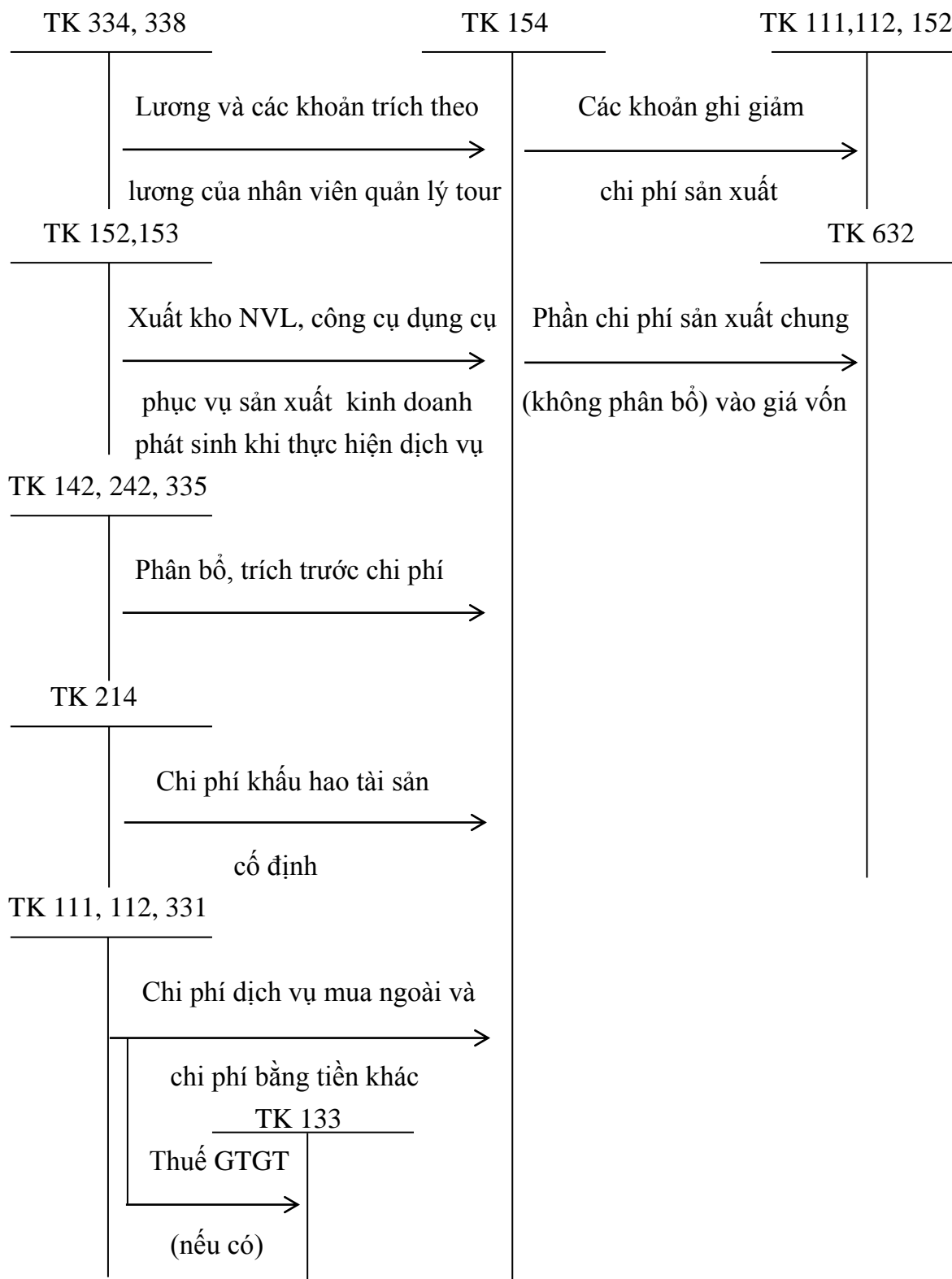
Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, chi phí sản xuất chung là những chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình thực hiện các lao vụ, dịch vụ. Chi phí sản xuất chung có thể bao gồm các chi phí như: lương nhân viên giám sát du lịch, công tác phí của cán bộ hướng dẫn du lịch, chi phí giao dịch, ký kết hợp đồng du lịch, hoa hồng cho các môi giới, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài hay các chi phí bằng tiền khác.

**Tài khoản sử dụng:** kế toán sử dụng TK 154 để hạch toán chi phí sản xuất chung

**Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng lương, bảng trích và phân bổ tiền lương
- Bảng tính khấu hao
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...

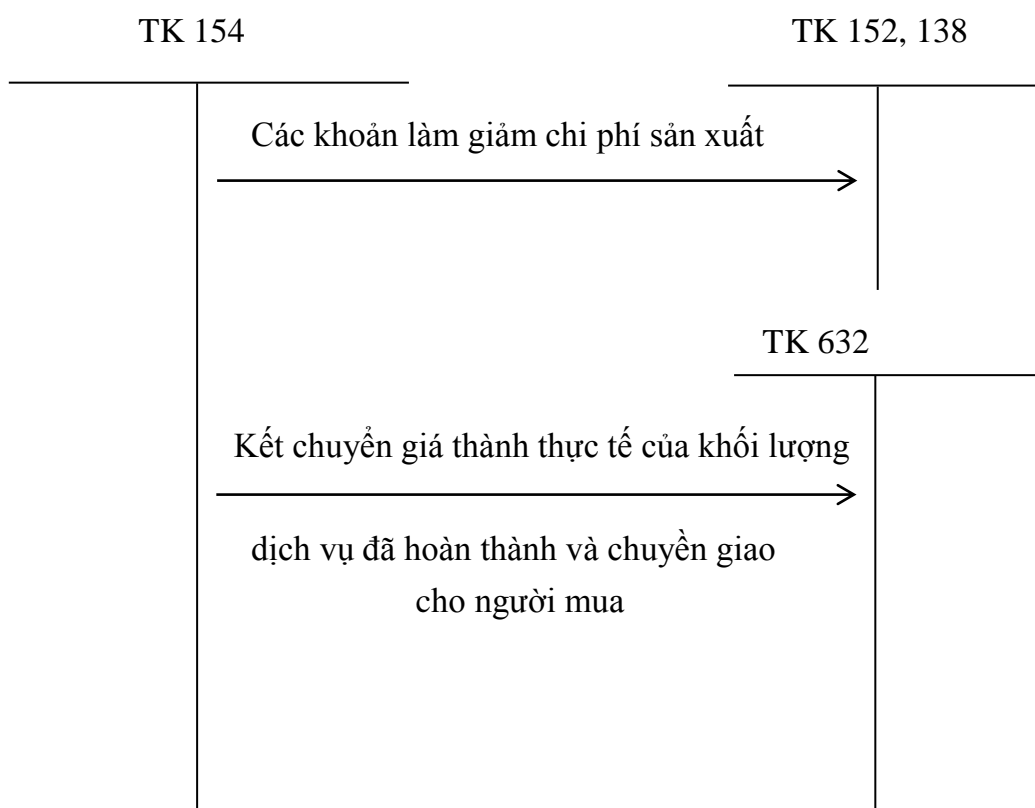
**Sơ đồ 1.5. Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung (KKTX)**



#### **1.7.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)**

Theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC, kế toán không tiến hành thực hiện bút toán kết chuyển chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung đã được hạch toán cuối kỳ sẽ tổng hợp trực tiếp trên TK 154. Giá thành sản phẩm được tính sau khi đã kết chuyển giá trị SPDD đầu kỳ sang và xác định được chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị SPDD cuối kỳ. Do đặc điểm của kinh doanh dịch vụ du lịch là quá trình sản xuất ra dịch vụ cũng chính là quá trình tiêu thụ, trong kinh doanh du lịch sẽ không có kho thành phẩm nên sau khi đã tổng hợp chi phí trên TK 154, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển ngay sang TK 632.

#### **Sơ đồ 1.6. Phương pháp hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất**

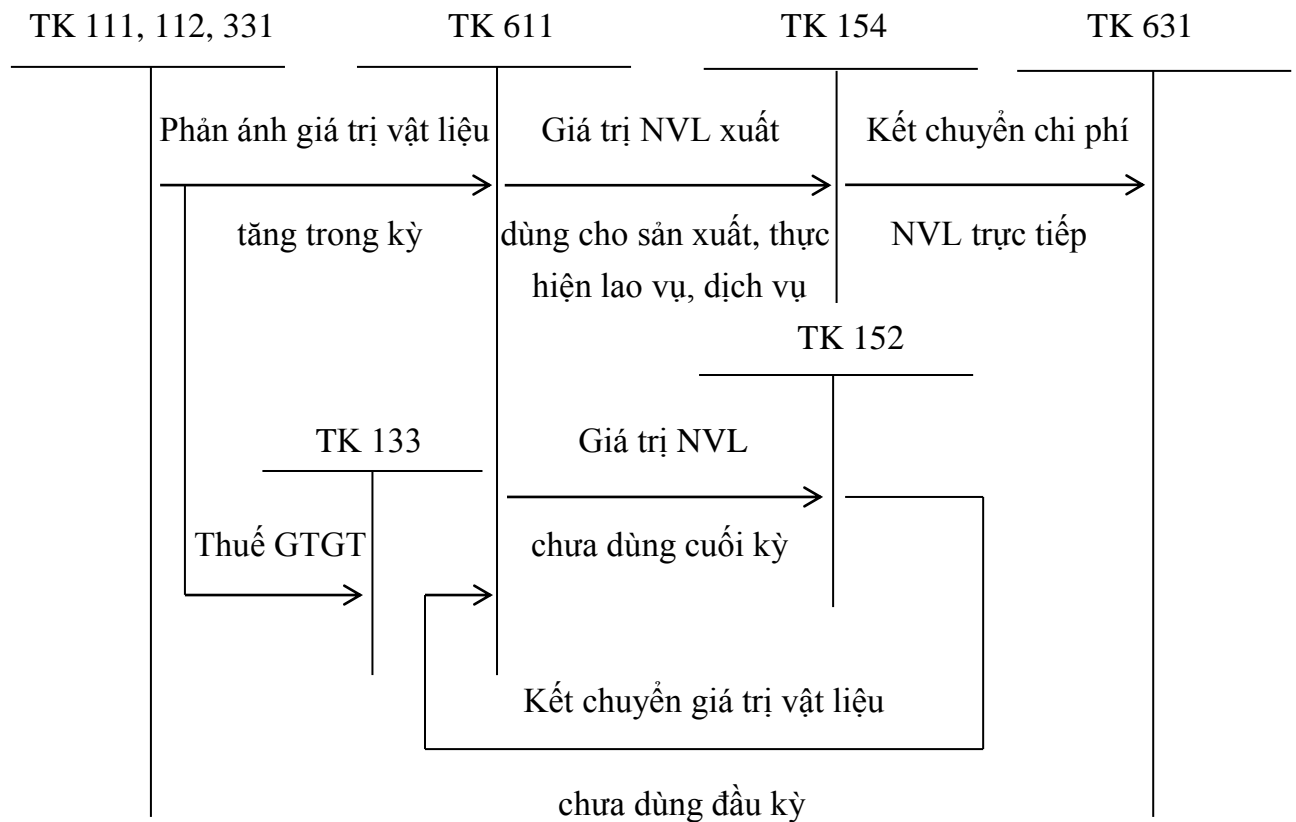


#### **1.8. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

##### **1.8.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ chỉ khác so với phương pháp kê khai thường xuyên về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung về tài khoản sử dụng cũng như cách tập hợp chi phí trong kỳ không có gì khác biệt.

**Sơ đồ 1.7. Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (KKĐK)**



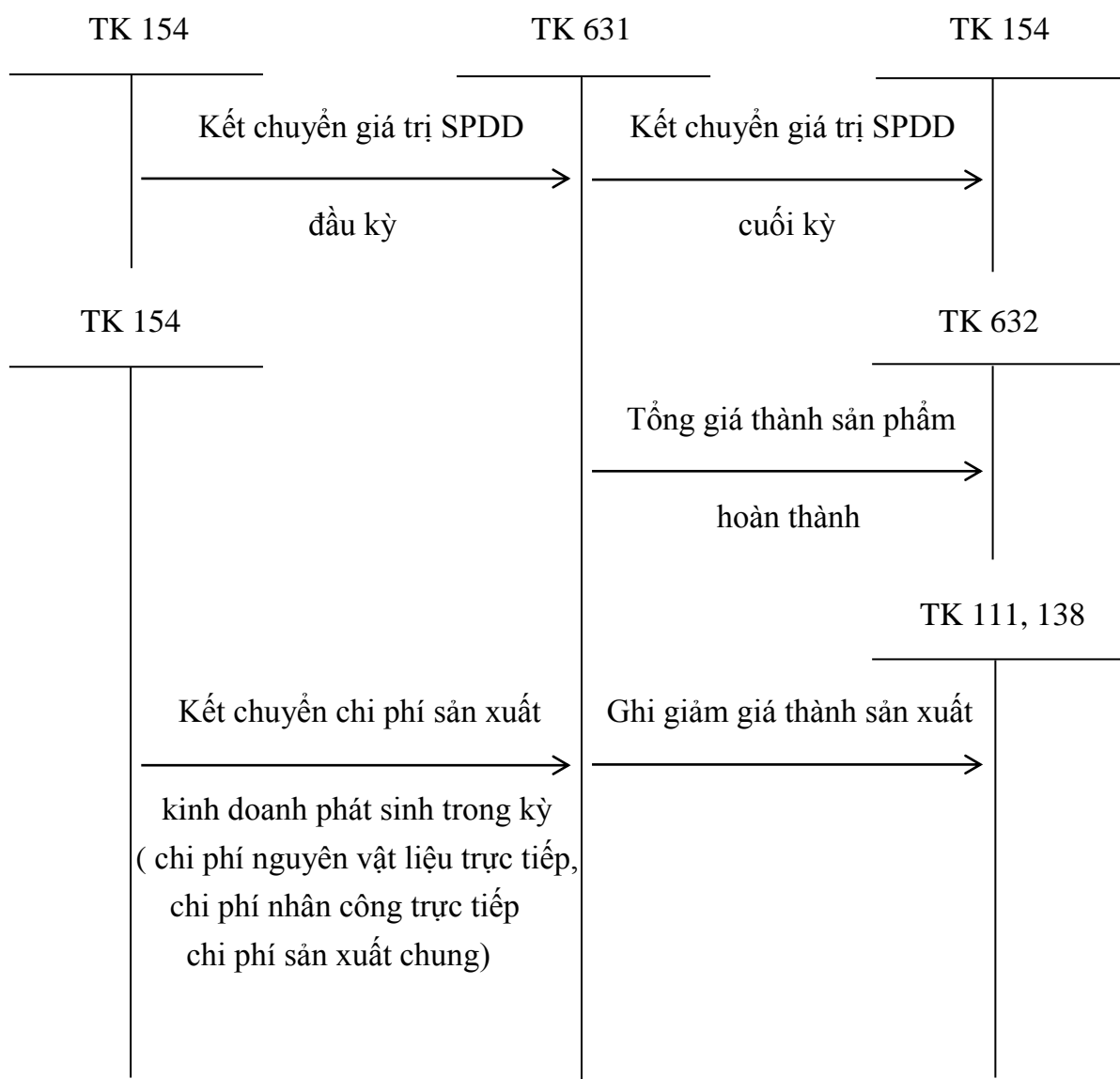
**1.8.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Để phục vụ cho công tác tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, kế toán sử dụng TK 631 – Giá thành sản xuất. Tài khoản được hạch toán theo địa điểm phát sinh chi phí và theo loại, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, lao vụ... của cả bộ phận sản xuất – kinh doanh chính, sản xuất – kinh doanh phụ, chi phí thuê ngoài gia công, chế biến...

Kết cấu TK 631

Nợ	TK 631 – Giá thành sản xuất	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ</li> <li>- Các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ</li> <li>- Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành</li> </ul>	

**Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (KKĐK)**



## 1.9. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

### 1.9.1. Khái niệm

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản phẩm, doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành kiểm kê và tính được giá sản phẩm dở dang.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, sản phẩm dở dang cuối kỳ là những dịch vụ mà tại thời điểm tính giá thành chưa hoàn thành về mặt kỹ thuật và thủ tục quản lý ở các giai đoạn của quy trình kinh doanh dịch vụ. Trường hợp trong kỳ, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch bắt đầu tour từ cuối kỳ và còn kéo dài tour ra tận kỳ sau thì sẽ có sản phẩm dở dang. Trong trường hợp tour đã thực hiện xong trong kỳ thì sẽ doanh nghiệp sẽ không có sản phẩm dở dang.

### 1.9.2. Phương pháp đánh giá SPDD cuối kỳ

Để xác định số lượng và giá trị sản phẩm dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành, không những ta phải dựa vào số liệu của kế toán mà còn phải căn cứ vào kết quả của việc kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ. Việc đánh giá sản phẩm dở dang được thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau tùy thuộc vào tính chất sản xuất, đặc điểm chi phí, đặc điểm sản phẩm, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất, phương pháp tính giá thành mà doanh nghiệp áp dụng. Trên thực tế, sản phẩm dở dang có thể đánh giá theo các phương pháp sau:

#### 1.9.2.1. Xác định giá trị SPDD theo chi phí nguyên vật liệu chính

Theo phương pháp này, sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính toán theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung thì tính cả cho sản phẩm hoàn thành (thành phẩm)

Theo phương pháp này, ta xác định SPDD cuối kỳ theo công thức tính như sau:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C}{Q_{tp} + Q_d} * Q_d$$

Trong đó:

$D_{dk}, D_{ck}$  : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

$C$  : Chi phí nguyên vật liệu chính phát sinh trong kỳ

$Q_{tp}$  : Số lượng sản phẩm hoàn thành

$Q_d$  : Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

#### 1.9.2.2. Xác định giá trị theo sản lượng hoàn thành ước tính tương đương

Theo phương pháp này thì tính toán phức tạp hơn nhưng kết quả tương đối chính xác cao. Vì thế, đây là phương pháp được áp dụng phổ biến ở nhiều doanh nghiệp.

Ta có công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{chính nằm trong} \\ \text{SPDD} \end{array} = \frac{D_{dk} + C}{Q_{tp} + Q_d} * Q_d$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến} \\ \text{nằm trong SPDD} \\ \text{(theo từng loại)} \end{array} = \frac{D_{dk} + C}{Q_{tp} + Q'_d} * Q'_d$$

Trong đó:

$D_{dk}$  : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

$C$  : Chi phí nguyên vật liệu chính phát sinh trong kỳ

$Q_{tp}$  : Số lượng sản phẩm hoàn thành

$Q_d$  : Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ (không quy đổi)

$Q'_d$  : Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành

### **1.9.2.3. Xác định SPDD theo 50% chi phí chế biến**

Để đơn giản, kế toán giả định SPDD đã hoàn thành ở mức độ 50% so với thành phẩm.

Giá trị sản phẩm dở dang trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\text{Giá trị SPDD} = \frac{\text{Giá trị nguyên vật liệu chính nằm trong SPDD}}{2} + 50\% \text{ chi phí chế biến}$$

### **1.9.2.4. Xác định giá trị SPDD theo chi phí NVL trực tiếp hoặc theo chi phí trực tiếp**

Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang chỉ tính chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp hoặc chi phí trực tiếp còn những chi phí khác phát sinh trong kỳ đều tính vào giá thành của sản phẩm hoàn thành. Phương pháp này đơn giản nhưng độ chính xác thấp, chỉ áp dụng ở các doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm.

### **1.9.2.5. Xác định giá trị SPDD theo chi phí định mức hoặc kế hoạch.**

Theo phương pháp này thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp tính vào SPDD dựa theo các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiền lương của sản phẩm. Các chi phí khác tính vào giá trị SPDD dựa trên cơ sở tỷ lệ qui định so với khoản mục chi phí nhân công trực tiếp hoặc dựa vào mức chi phí kế hoạch.

Phương pháp đánh giá này đơn giản nhưng không đảm bảo chính xác. Do vậy thường áp dụng ở những doanh nghiệp có SPDD đồng đều giữa các tháng.

## **1.10. Thử tính giá thành sản phẩm**

Sau khi đã xác định được chi phí phát sinh và đánh giá được giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{thành sản} & = & \text{phẩm dở} & + & \text{xuất phát} & - & \text{phẩm dở} \\ \text{phẩm} & & \text{dang đầu} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{dang cuối kỳ} \\ & & \text{kỳ} & & & & \end{array}$$

Dựa vào kết quả tính được, kế toán tiến hành lập thẻ tính giá thành như sau:

**Bảng 1.1. Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ**

Thẻ tính giá thành sản phẩm

Sản phẩm:

Số lượng:

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo các khoản mục			
		NVLC	VLP	NCTT	SXC
1. Giá trị SPDD đầu kỳ					
2. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ					
3. Giá thành sản phẩm hoàn thành					
4. Giá trị SPDD cuối kỳ					

### 1.11. Các hình thức sổ kế toán áp dụng trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

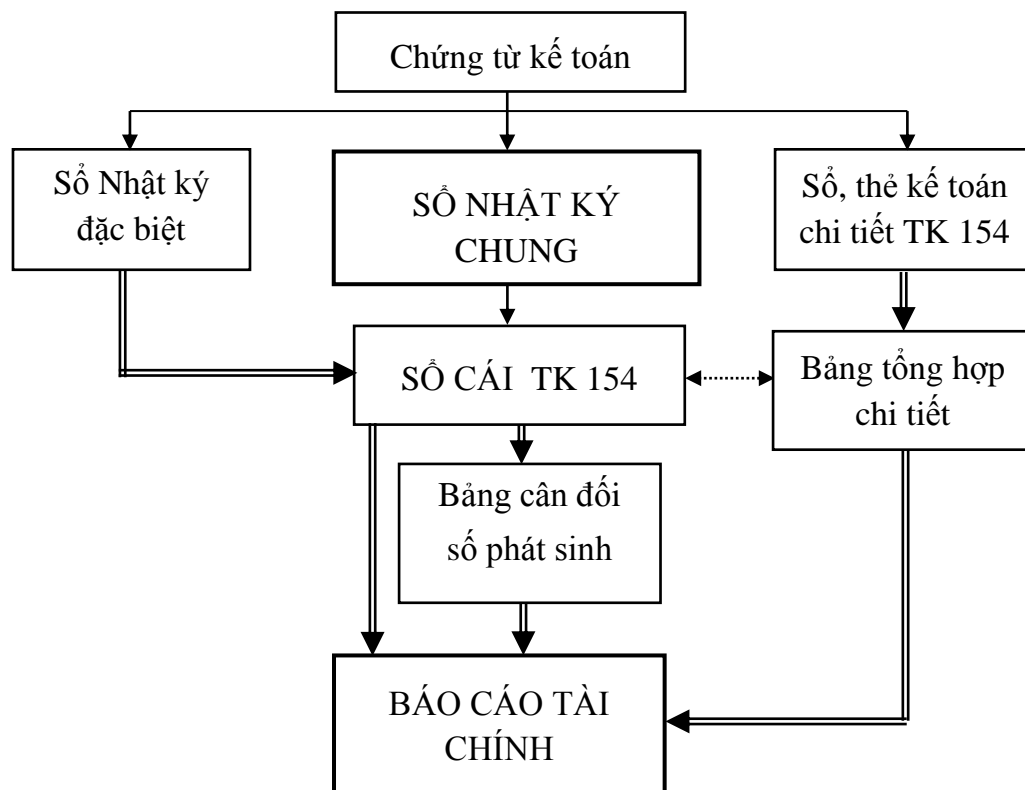
#### 1.11.1. Hình thức nhật ký chung:

Đặc trưng của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

Điều kiện áp dụng: hình thức này thường áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, số lượng lao động kế toán ít.



**Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**



**Ghi chú:**

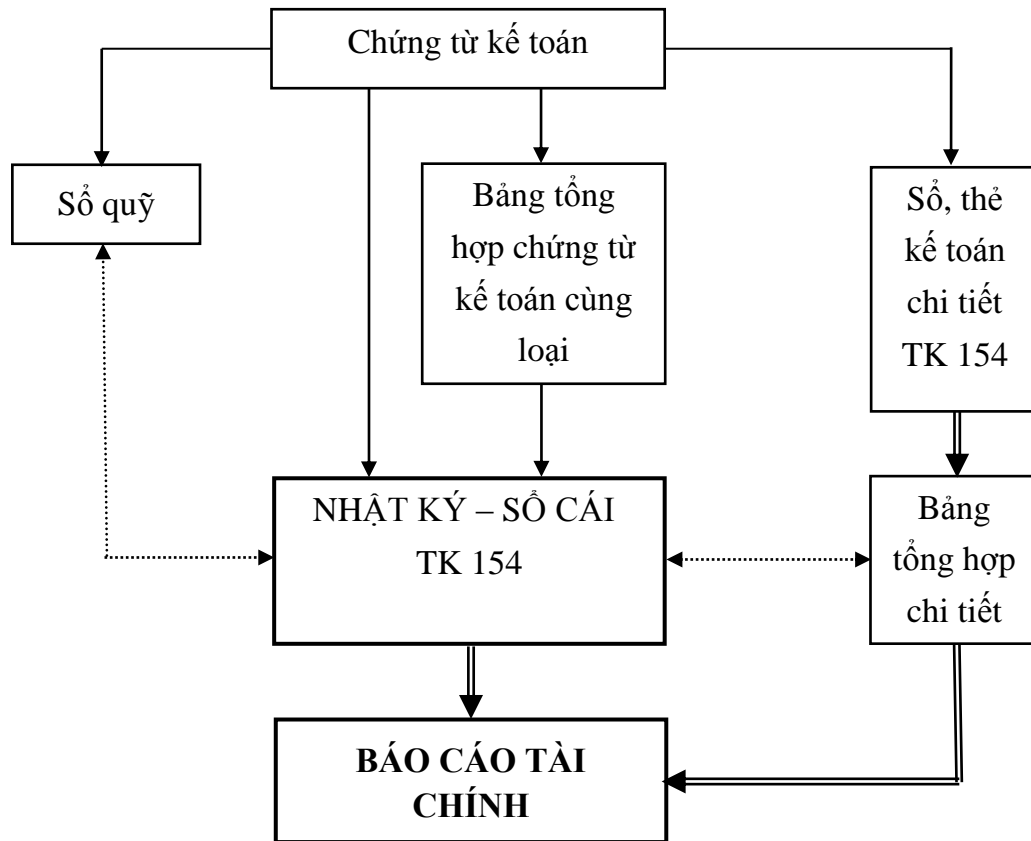
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

**1.11.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái**

Đặc trưng của hình thức kế toán nhật ký – sổ cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Điều kiện áp dụng: hình thức ghi sổ này áp dụng cho các loại hình kinh doanh đơn giản, quy mô kinh doanh nhỏ và tập trung, đơn vị có ít nghiệp vụ phát sinh, sử dụng ít tài khoản.

**Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái**

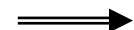


**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra

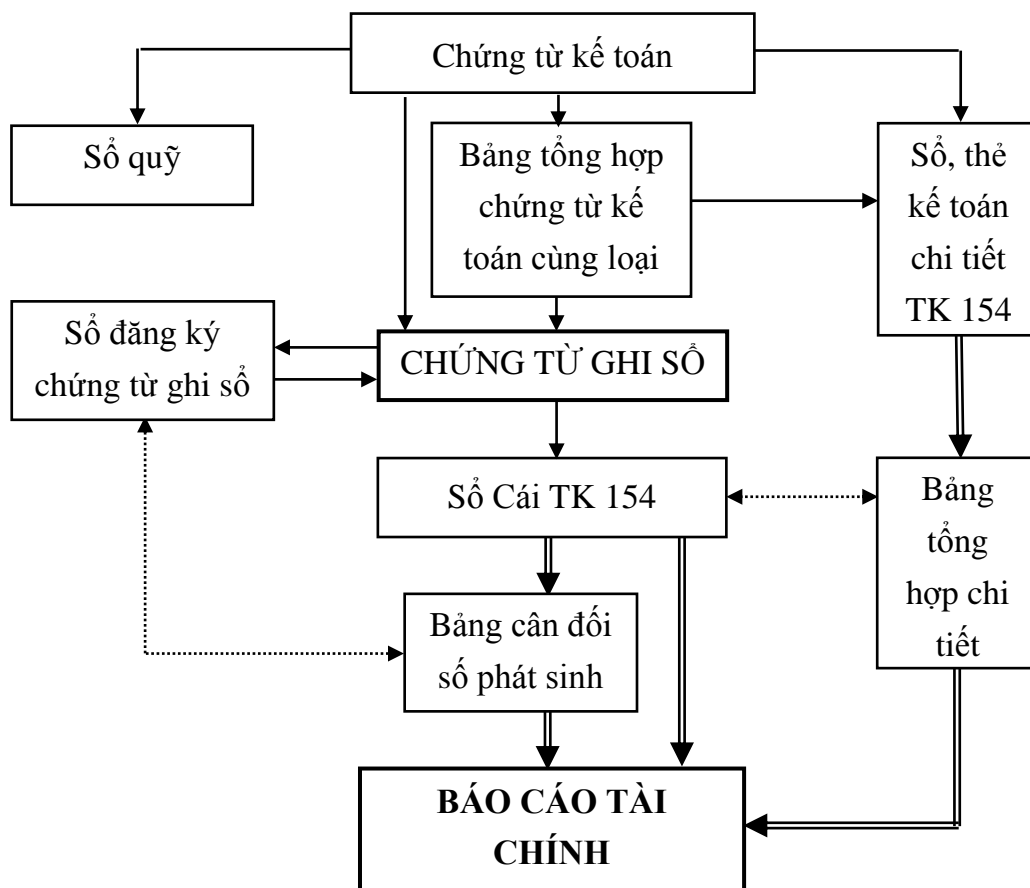


**1.11.3. Hình thức chứng từ ghi sổ**

Chứng từ ghi sổ là nhật ký phân loại theo chứng từ, tài khoản hoặc theo chỉ tiêu báo cáo quản lý.

Điều kiện áp dụng: Hình thức này áp dụng được với mọi quy mô đơn vị, nó phù hợp với cả lao động kế toán thủ công và lao động kế toán bằng máy.

**Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra

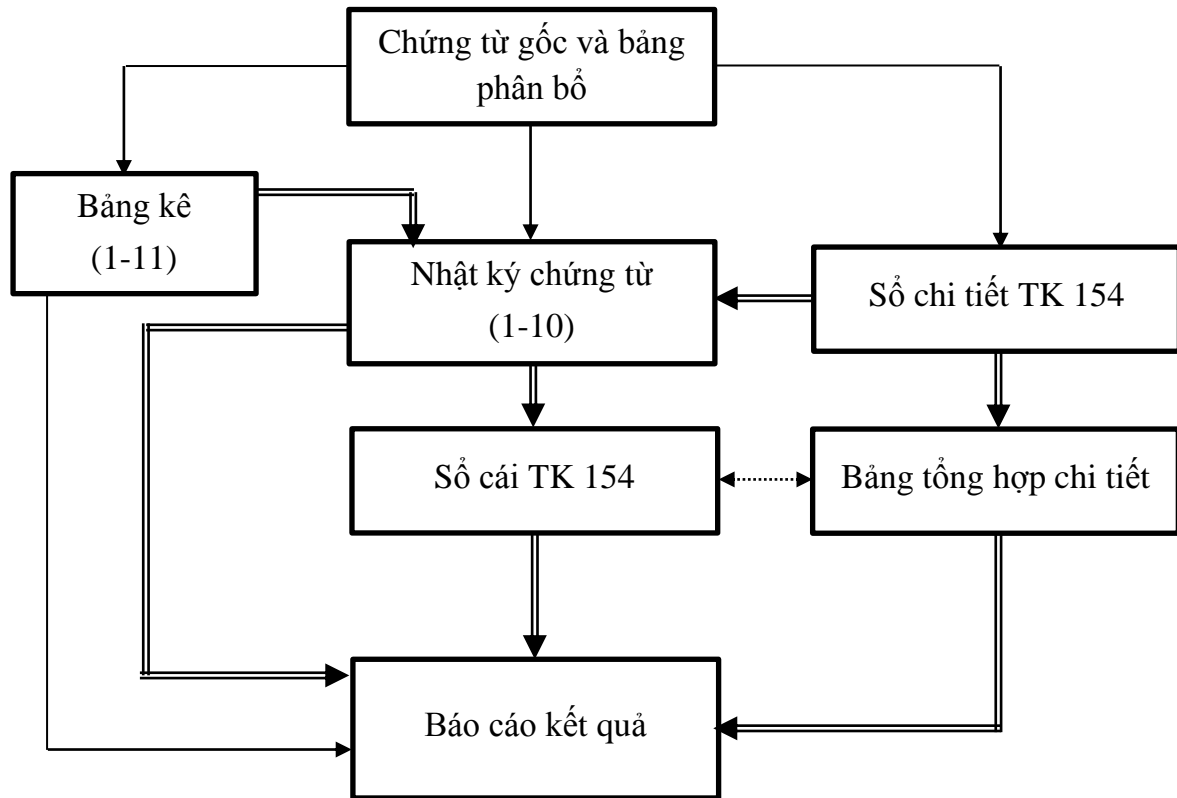


**1.11.4. Hình thức Nhật ký – chứng từ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký – chứng từ là việc tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ, kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản), kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép, sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Điều kiện áp dụng: Hình thức này áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất hoặc thương mại có quy mô lớn, đội ngũ kế toán có trình độ, áp dụng các đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán bằng lao động thủ công.

**Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ**

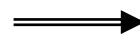


**Ghi chú:**

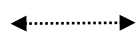
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



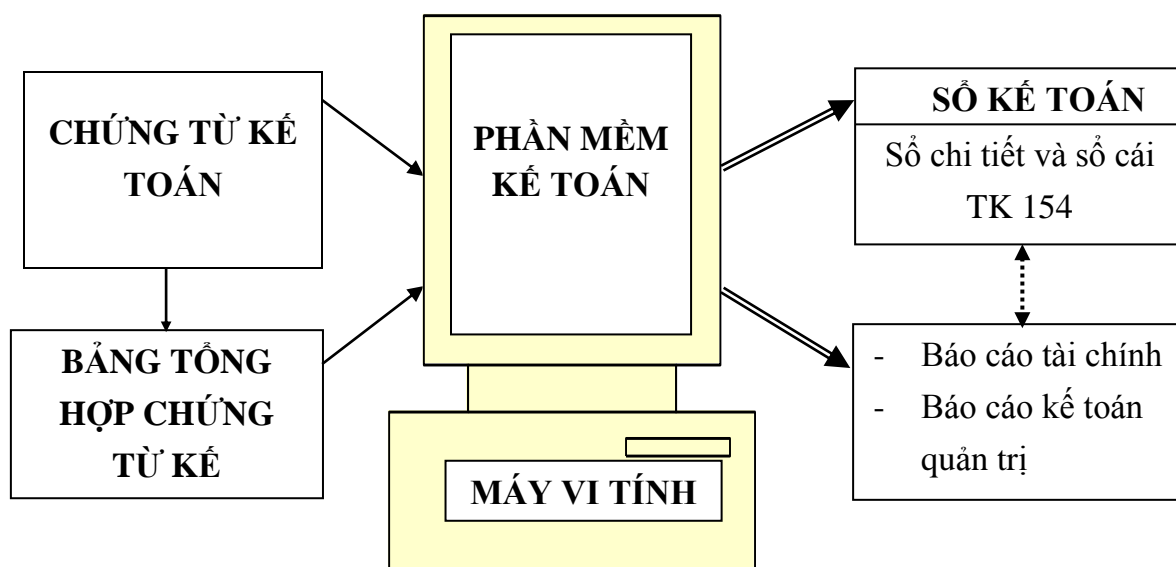
Đối chiếu, kiểm tra



**1.11.5. Hình thức trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo chương trình kế toán được cài đặt, lập trình trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế dựa trên nguyên tắc của một trong các hình thức kế toán ở trên hoặc kết hợp các hình thức kế toán. Phần mềm kế toán được sử dụng sẽ không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in ra được các sổ kế toán và các báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính**

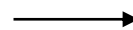


**Ghi chú**

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra



## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TÂN THÀNH ĐẠT**

#### **2.1. Khái quát chung về công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

- Tên công ty : Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt
- Tên giao dịch : TAN THANH DAT travel and trading service company limited
- Mã số thuế : 0103836043
- Địa chỉ : Số 25 Phố Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Đăng ký kinh doanh số : 0102038887
- Điện thoại : 04.39412171
- Fax : 04.39412179
- Người đại diện: Ngô Xuân Thu
- Một số số liệu cơ bản về vốn
  - + Vốn điều lệ công ty: 5.000.000.000 ( năm tỷ đồng )

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch được thành lập ngày 20 tháng 10 năm 2009. Tên giao dịch quốc tế của công ty là TAN THANH DAT travel and trading service company limited. Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0102038887 do phòng kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011.

Ngay từ khi thành lập, ban lãnh đạo công ty đã xác định rõ kinh doanh đa ngành trên hai lĩnh vực: du lịch và thương mại. Trong mấy năm qua với phương thức hoạt động kinh doanh, công ty đã không ngừng vươn lên, phát triển và tự khẳng định mình trên thị trường du lịch trong nước và quốc tế với các chương trình du lịch văn hóa độc đáo và hấp dẫn về chất lượng phục vụ. Công ty đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với khách hàng, tạo được sự tin tưởng đối với khách hàng.

Tuy đi vào hoạt động chưa lâu nhưng công ty đã gặt hái được không ít thành công. Để đạt được kết quả như vậy là do có sự đóng góp không nhỏ của ban lãnh đạo, quản lý cùng toàn thể nhân viên trong công ty

##### **2.1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép kinh doanh số 0102038887. Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

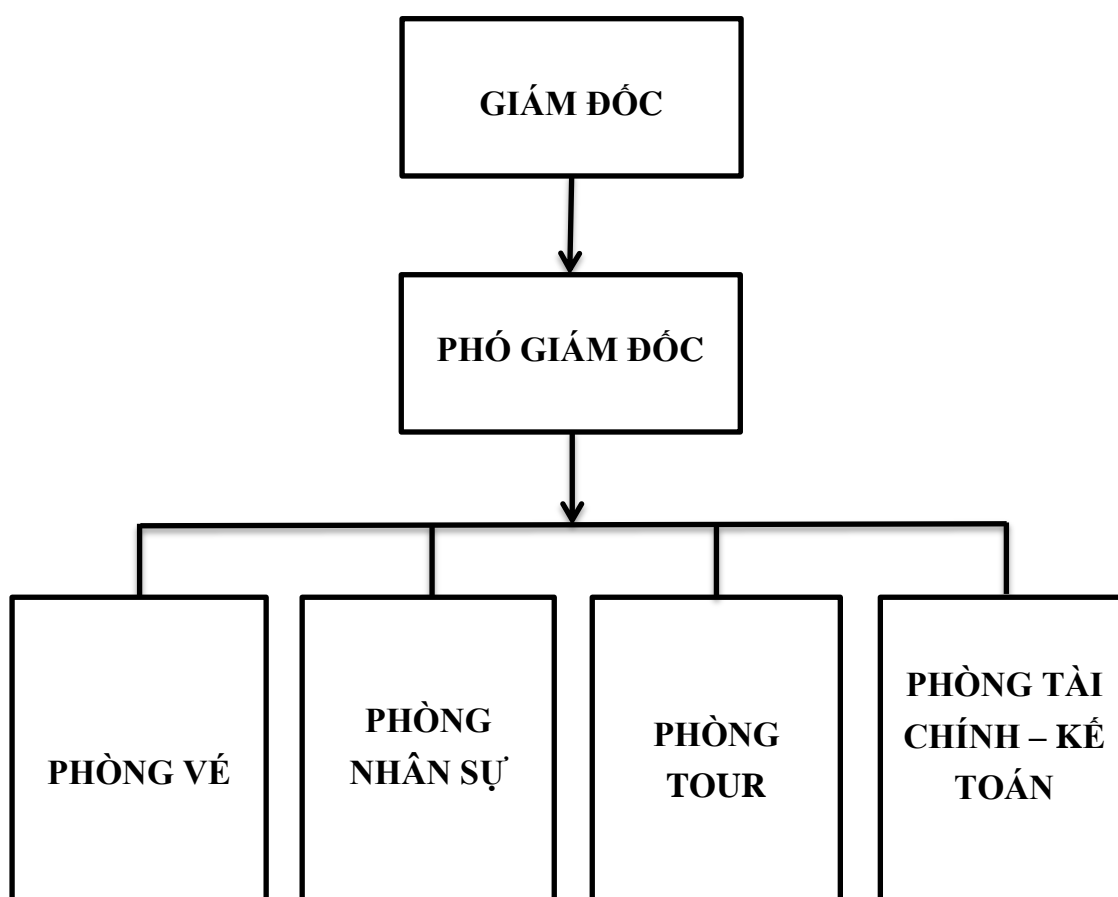
- Dịch vụ tư vấn du học.

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.
- Kinh doanh các dịch vụ ăn uống nhà hàng, giải khát ( không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke )
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.
- Kinh doanh tour du lịch và các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới quảng bá và tổ chức tour du lịch.
- Kinh doanh lữ hành.
- Kinh doanh lưu trú du lịch.
- Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch.

Công ty chủ yếu là kinh doanh về dịch vụ, trong đó việc tổ chức tour và kinh doanh về tour du lịch là nguồn mang lại doanh thu chính cho công ty.

### **2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

**Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**



( Nguồn: Phòng nhân sự )

### **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận :**

- Giám đốc:
  - + Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh
  - + Phân công nhiệm vụ cho các trưởng phòng
  - + Trực tiếp tuyển dụng các vị trí trong Ban Giám Đốc: Giám Đốc, Trưởng phòng, nhân viên công ty
- Phó giám đốc
  - + Thực hiện nhiệm vụ giám đốc giao
  - + Thay mặt giám đốc khi vắng mặt
  - + Kiểm tra giám sát các phòng, nhân viên trong công ty
  - + Báo số liệu các hoạt động kinh doanh tại công ty
- Phòng vé có nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ giám đốc giao đồng thời kiểm tra, theo dõi hoạt động mua – bán vé từ các phòng lên báo cáo mua bán của phòng.
- Phòng nhân sự
  - + Xây dựng quy hoạch cán bộ, giải quyết các vấn đề về chế độ, tiếp nhận đào tạo, sa thải, điều động cán bộ, chính sách của người lao động.
  - + Lập kế hoạch lao động tiền lương, thưởng theo từng thời kỳ cho toàn công ty.
  - + Chỉ đạo kế hoạch phòng hộ, an toàn lao động.
- Phòng tour có nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ giám đốc giao cho, theo dõi hợp đồng vé tour đồng thời theo dõi hoạt động mua bán tour từ các phòng lên báo cáo mua bán của phòng.
- Phòng tài chính - kế toán
  - + Tổ chức thực hiện công tác kế toán, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, kinh tế, tài chính của công ty và các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thực hiện nghiệp vụ tài chính kế toán của công ty. Ghi chép, tính toán phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, tiền vốn.
  - + Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu chi tài chính, kiểm tra việc sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn tại Công ty. Theo dõi tài sản của công ty đầu tư vào các đơn vị khác.
  - + Thực hiện việc lưu chuyển tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng, tiền vay..., giám sát việc sử dụng vốn đồng thời theo dõi thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ. Lập bảng đối chiếu công nợ thường xuyên theo từng đối tượng cụ thể và xác nhận công nợ định kỳ theo qui định.

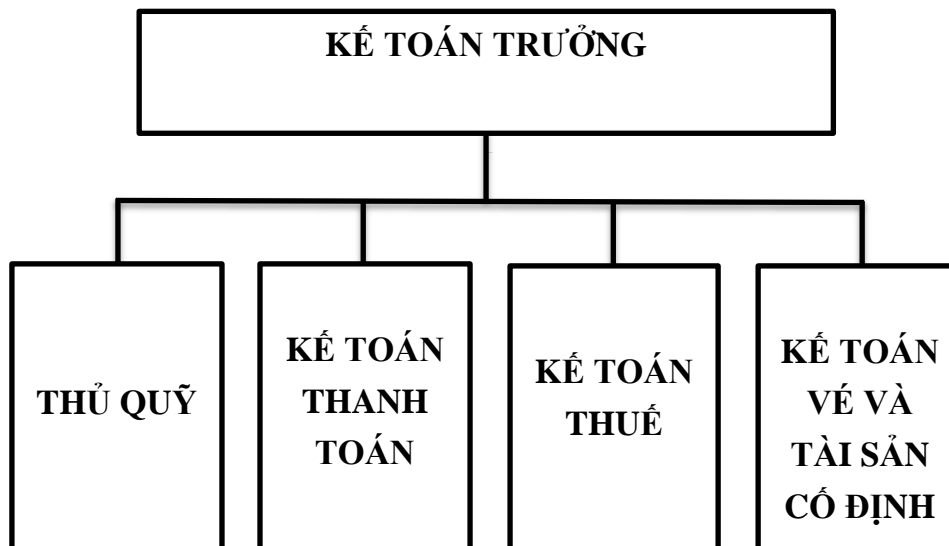


- + Thanh toán các khoản chi phí của công ty: chi phí với cán bộ, công nhân viên, chi phí doanh nghiệp và chi phí bán hàng đã được lãnh đạo công ty phê duyệt hoặc chỉ đạo trực tiếp.
- + Theo dõi tài sản cố định hiện có của công ty, quá trình mua sắm, sử dụng, trích khấu hao và phân bổ tài sản.
- + Thực hiện các nghĩa vụ của Công ty với ngân sách Nhà nước, thực hiện báo cáo đặc thù theo qui định của các hãng hàng không liên quan hoạt động kinh doanh của công ty, thực hiện các chế độ về báo cáo tài chính và báo cáo quản trị theo quy định.
- + Tham mưu các điều khoản liên quan tài chính trong việc ký kết các hợp đồng dịch vụ, tài chính. Quản lý, theo dõi hợp đồng và tình hình thực hiện hợp đồng.
- + Lập kế hoạch tài chính cho kỳ kế toán tiếp theo dựa trên số liệu thực hiện của kỳ kế toán hiện tại và kế hoạch hoạt động kinh doanh kỳ tới đã được lãnh đạo phê duyệt.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty**

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**



*( Nguồn: Phòng tài chính - kế toán )*

- Kế toán trưởng: Là người tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính của công ty, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo bộ máy kế toán gọn nhẹ, phù hợp với hoạt động kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty. Kế toán trưởng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc. Kế toán trưởng kiểm tra việc thực hiện chế độ ghi chép tính toán ban đầu, chấp hành chế độ báo cáo thống kê, báo cáo quyết

toán theo quy định, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán theo chế độ lưu trữ. Kế toán trưởng là người lập các báo cáo tài chính hàng năm.

- Thủ quỹ: Là người trực tiếp quản lý các hoạt động thu, chi tiền mặt, kiểm kê, đối chiếu số tiền thực tế trong quỹ của công ty với số liệu trên sổ quỹ tiền mặt.
- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi toàn bộ hoạt động liên quan tới các phương thức thanh toán và hoạt động thanh toán của công ty, theo dõi từng đối tượng công nợ phải thu, phải trả và tổng hợp tình hình thanh toán trước khi lập báo cáo tài chính, liên quan đến hoạt động lãi hành của công ty, theo dõi toàn bộ công nợ liên quan đến xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Có nhiệm vụ đơn đốc thu hồi công nợ, đối chiếu công nợ với khách hàng, giải đáp khúc mắc của khách hàng nếu có.
- Kế toán thuế: chịu trách nhiệm lập báo cáo thuế hàng tháng, quyết toán thuế hàng năm và theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ của công ty với Nhà nước.
- Kế toán vé và tài sản cố định: chịu trách nhiệm về thu, chi trong khâu bán vé. Theo dõi tình hình thanh toán với bên giao đại lý bán vé và với khách hàng. Đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, trích khấu hao và lập bảng tổng hợp khấu hao. Thực hiện việc ghi chép sổ sách làm cơ sở vào sổ kế toán tổng hợp của công ty.

#### ***2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt***

Chế độ kế toán mà Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt đang áp dụng hiện nay là hệ thống kế toán doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ tài chính. Chế độ này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước là công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã.

Hình thức ghi sổ kế toán mà công ty sử dụng là hình thức nhật ký chung. Công ty không sử dụng tới các phần mềm kế toán mà vẫn sử dụng phương pháp thủ công để hạch toán.

Ngoài ra, công ty sẽ sử dụng các chứng từ, sổ sách, hệ thống tài khoản theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC, đồng thời có thể mở chi tiết các tài khoản theo từng khoản mục chi phí, theo từng tour du lịch... để phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

Công ty tiến hành công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sau khi tour du lịch đã được thực hiện xong (hay hoàn thành)

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Việt Nam Đồng (VNĐ).

Phương pháp hạch toán mà công ty áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định khấu hao tài sản cố định mà công ty sử dụng là phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Đồng thời, công ty sẽ sử dụng phương pháp khấu trừ để tính thuế giá trị gia tăng

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

### **2.2.1. Đặc điểm về hoạt động kinh doanh tour du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt là công ty kinh doanh chính về dịch vụ trong đó nổi bật về kinh doanh du lịch. Công ty xây dựng và thực hiện chương trình du lịch khi có yêu cầu từ phía khách hàng. Đầu tiên, công ty sẽ tiếp nhận từ bên phía khách hàng các thông tin về chuyến du lịch bao gồm thời gian, địa điểm, số lượng khách tham gia. Sau đó, bộ phận phụ trách tour sẽ tiếp nhận những thông tin đó để thiết kế tour phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Đồng thời bên phía khách hàng sẽ ứng trước một khoản tiền để đảm bảo. Do công ty không có điều kiện để cung cấp đầy đủ dịch vụ phục vụ cho chuyến du lịch, vì vậy, công ty sẽ mua các dịch vụ từ các doanh nghiệp bên ngoài như dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vận chuyển...Để phục vụ kịp thời cho tour du lịch thì các dịch vụ này thường được đặt trước với bên cung cấp dịch vụ. Hóa đơn dịch vụ mua vào sẽ được chuyển về khi dịch vụ được thực hiện xong (hoàn thành). Công ty thực hiện chương trình du lịch theo hình thức này đảm bảo độ an toàn, ít mạo hiểm, tuy nhiên, công ty kinh doanh theo kiểu chờ đợi khách, gây bất tiện cho phía khách hàng vì họ phải chờ mới có câu trả lời chính xác về giá cả và lịch trình.

### **2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành**

Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành của công ty kinh doanh dịch vụ du lịch là thường là cùng một đối tượng. Tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt đối tượng tập hợp chi phí là tour du lịch và đối tượng tính giá thành là các tour du lịch đã hoàn thành (hay đã thực hiện xong). Trong phạm vi bài khóa luận này, tác giả sử dụng số liệu của tour du lịch Xuyên Việt để minh họa cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.

Tour du lịch Xuyên Việt có một số đặc điểm sau: tour du lịch kéo dài trong vòng 21 ngày bắt đầu từ ngày mùng 8 tháng 12 năm 2013 và kết thúc vào ngày 28 tháng 12 năm 2013. Điểm xuất phát của tour là từ Hà Nội và đi tới một vài địa điểm như Bắc Ninh, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh...với số lượng khách tham gia chuyến du lịch là 30 người. Tour du lịch được thiết kế dựa vào nhu cầu của khách hàng, khách hàng sẽ liên hệ với bộ phận phụ trách để thông báo về thời gian, địa điểm mà khách

hàng muốn tới để công ty tiến hành thực hiện. Khách hàng ứng trước cho công ty một khoản tiền để đảm bảo, sau đó bên phí công ty sẽ liên hệ với nhà cung cấp để đặt chỗ trước, bố trí sao cho phù hợp với lịch trình.

### **2.2.3. Phương pháp tập hợp chi phí và phương pháp tính giá thành**

Công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí theo phương pháp trực tiếp đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - phương pháp này áp dụng đối với các chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định và công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan. Còn đối với chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung nếu không thể hạch toán trực tiếp được cho tour du lịch cụ thể thì sẽ tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

Công ty sử dụng phương pháp tính giá thành giản đơn: phương pháp này phù hợp với loại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và quy trình kinh doanh giản đơn, đối tượng tập hợp chi phí thường phù hợp với đối tượng tính giá thành.

### **2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

#### **2.2.4.1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, du lịch là những chi phí nguyên vật liệu phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ.

Trong ngành dịch vụ, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các chi phí công ty phải bỏ ra để mua các dịch vụ đầu vào từ các doanh nghiệp bên ngoài như chi phí cho dịch vụ khách sạn, dịch vụ vận chuyển khách, chi phí mua vé tham quan, chi phí ăn uống... Chi phí chi trả cho các dịch vụ đầu vào đó khá lớn, do vậy, có thể xem chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch là khoản mục chi phí chiếm tỉ trọng lớn trong chi phí sản xuất của công ty. Vì vậy, việc hạch toán đúng và đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đóng vai trò vô cùng quan trọng.

#### **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng TK 15411 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Do công ty là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí phải trả cho dịch vụ đầu vào phục vụ cho tour du lịch Xuyên Việt của công ty. Chi phí NVL trực tiếp sử dụng cho tour du lịch này của công ty gồm:

- Tiền trả cho dịch vụ ăn uống, phòng ở
- Chi phí cho dịch vụ xe đưa đón khách
- Chi phí cho vé vào cửa
- Chi phí cho dịch vụ hội thảo (nếu có)

- Dịch vụ cung cấp mic cho đại biểu...

**Chứng từ sử dụng:** Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm:

- Hóa đơn dịch vụ đầu vào từ các doanh nghiệp bên ngoài (hóa đơn dịch vụ khách sạn, hóa đơn dịch vụ vận chuyển...).
- Phiếu chi sử dụng khi công ty chi tiền mặt để chi trả cho các dịch vụ đầu vào
- Giấy báo nợ ngân hàng sử dụng khi công ty chi trả cho doanh nghiệp bên ngoài bằng tiền gửi ngân hàng
- Một số chứng từ khác

**Ví dụ 1:** Ngày 4 tháng 12 năm 2013, công ty liên hệ với công ty TNHH du lịch và dịch vụ Ngọc Trúc để đặt phòng phục vụ cho chuyến du lịch Xuyên Việt. Ngày 8 tháng 12 năm 2013, khách hàng đã tới sử dụng phòng tại khách sạn, công ty nhận được hóa đơn dịch vụ khách sạn của công ty TNHH du lịch và dịch vụ Ngọc Trúc (HD0000244 ngày 08/12), Công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản cho công ty TNHH du lịch và dịch vụ Ngọc Trúc. Trong ngày, công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

**Bảng 2.1. Hóa đơn dịch vụ khách sạn**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: NT/13P			
Ngày 08 tháng 12 năm 2013		Số: 0000244			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH du lịch và dịch vụ Ngọc Trúc					
Mã số thuế: 2300708608					
Địa chỉ: Khu Sơn, phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh, thành phố Bắc Ninh					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt					
Địa chỉ: Số 25 phố Phó Đức Chính – P. Trúc Bạch – Q. Ba Đình – TP Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Chuyển Khoản    Số tài khoản: 020 002 345 643					
MST: 0103836043					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6= 4x5</b>
1	Dịch vụ khách sạn				32.727.273
Cộng tiền hàng					: 32.727.273
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT : 3.272.727
Tổng cộng tiền thanh toán					: 36.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	

*(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)*

### Bảng 2.2. Giấy báo nợ của ngân hàng

Ngân hàng sacombank	Mã GDV : 123
Chi nhánh Ba Đình – Hà Nội	Mã KH : 0888856
	Số GD : 17
Lập ngày 8 tháng 12 năm 2013	
<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	
<b>Kính gửi:</b> Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt	
<b>Mã số thuế:</b> 0103836043	
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi nợ với nội dung sau	
+ Số tài khoản ghi nợ: 020 002 345 643	
+ Số tiền (bằng số) : 36.000.000 đồng	
+ Số tiền (bằng chữ) : Ba mươi sáu triệu đồng chẵn	
Nội dung: Khách hàng thanh toán cho công ty TNHH du lịch và dịch vụ Ngọc Trúc tiền dịch vụ khách sạn theo hóa đơn số 0000244	
<b>Giao dịch viên</b> (ký, họ tên)	<b>Kiểm soát</b> (ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)

**Ví dụ 2:** Ngày 18 tháng 12 năm 2013, Công ty mua dịch vụ ăn uống tại doanh nghiệp tư nhân nhà hàng Di Bửu phục vụ cho tour du lịch Xuyên Việt, với tổng số tiền thanh toán là 2.750.000 đồng, Trong ngày, doanh nghiệp tư nhân nhà hàng Di Bửu đã gửi hóa đơn về cho công ty (HD0020433). Công ty thanh toán dịch vụ ăn uống bằng chuyển khoản và đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng

**Bảng 2.3. Hóa đơn dịch vụ ăn uống tại nhà hàng**

<b>DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHÀ HÀNG DI BỬU</b>					
Mã số thuế: 0301479058					
Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam					
Điện thoại: (08) 3824 6566/ (08) 3832 0368      Fax: (08) 3823 0388					
<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/002		
Liên 2: Giao cho người mua			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 18 tháng 12 năm 2013			Số       : 0020433		
Tên đơn vị: CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHÀ HÀNG DI BỬU					
Mã số thuế: 0301479058-002					
Địa chỉ: 76 NGUYỄN VĂN TRỖI, P.8, Q.PHÚ NHUẬN, TP.HCM					
Họ tên người mua hàng: ...					
Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt					
Mã số thuế: 0103836043					
Địa chỉ: Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Thức ăn(sn4+sd1)				2.500.000
				Cộng tiền hàng : 2.500.000	
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT : 250.000	
				Tổng cộng tiền thanh toán : 2.750.000	
Số tiền (viết bằng chữ): hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
( ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)



#### Bảng 2.4. Giấy báo nợ ngân hàng

Ngân hàng sacombank	Mã GDV: 123
Chi nhánh Ba Đình – Hà Nội	Mã KH: 0888856
	Số GD: 19
Lập ngày 18 tháng 12 năm 2013	
<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	
<b>Kính gửi:</b> Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt	
<b>Mã số thuế:</b> 0103836043	
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi nợ với nội dung sau	
+ Số tài khoản ghi nợ: 020 002 345 643	
+ Số tiền (bằng số) : 2.750.000 đồng	
+ Số tiền (bằng chữ) : hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn	
Nội dung: Khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp tư nhân nhà hàng Di Bửu tiền dịch vụ ăn uống theo hóa đơn số 0020433	
<b>Giao dịch viên</b> (ký, họ tên)	<b>Kiểm soát</b> (ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)

**Ví dụ 3:** Ngày 20 tháng 12 năm 2013, công ty Mittsu gửi bảng quyết toán và xuất hóa đơn cho công ty về cước vận chuyển hành khách phục vụ tour du lịch Xuyên Việt (HD0000045), Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt đã thanh toán cho Mittsu bằng chuyển khoản. Trong ngày, công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

**Bảng 2.5. Hóa đơn dịch vụ vận chuyển**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: MS/13P			
Ngày 20 tháng 12 năm 2013		Số: 0000045			
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI DU LỊCH MITTSU Mã số thuế: 0311925008 Địa chỉ: 02 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh Số tài khoản: 0441000636878 – Tại ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Tân Bình Điện thoại; (08) 66 808 237 - Fax: (08) 62 966 617					
Họ tên người mua hàng: ... Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt Mã số thuế: 0103836043 Địa chỉ: Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Cước vận chuyển hành khách du lịch				10.295.455
<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div>Thuế suất GTGT: 10%</div> <div>Cộng tiền hàng : 10.295.455</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div></div> <div>Tiền thuế GTGT : 1.029.545</div> </div> <div style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán : 11.325.000</div> Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu ba trăm hai mươi năm ngàn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b> ( ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (ký, ghi rõ họ tên)	

*(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)*

**Bảng 2.6. Bảng quyết toán xe tháng 12/2013**

**CÔNG TY VẬN TẢI DU LỊCH MITTSU**

Hotline: Ms. Uyên 0916 167 313/ 0916 694 717 Mr. Hưng 0988 820 810

Email: [xedulichmitsu@gmail.com](mailto:xedulichmitsu@gmail.com)/ YM&SKY: xedulichmitsu

**CÔNG TY TÂN THÀNH ĐẠT – BẢNG QUYẾT TOÁN XE THÁNG 12**

STT	Thời gian	Loại xe	Số lượng	Giá (có VAT)	Tổng cộng	Ghi chú
1	16/12	7C	4	450.000	1.800.000	Theo lịch
2	16/12	16C	5	550.000	2.750.000	Theo lịch
3	17/12	45C	1	1.200.000	1.200.000	Xe 3B 3699 tài xế Dững
4	18/12	45C	1	1.200.000	1.200.000	Xe 3B 3699 tài xế Dững
5	19/12	7C	3	550.000	1.350.000	Theo lịch
6	19/12	16C	5	550.000	2.750.000	Theo lịch
7	19/12	16C	1	550.000	275.000	Charge 50%
<b>Tổng cộng</b>					<b>11.325.000</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

TP.HCM, ngày 20 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)

**Bảng 2.7. Giấy báo nợ của ngân hàng**

Ngân hàng sacombank	Mã GDV: 251
Chi nhánh Ba Đình – Hà Nội	Mã KH: 0888856
	Số GD: 21
Lập ngày 20 tháng 12 năm 2013	
<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	
<b>Kính gửi:</b> Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt	
<b>Mã số thuế:</b> 0103836043	
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi nợ với nội dung sau	
+ Số tài khoản ghi nợ: 020 002 345 643	
+ Số tiền (bằng số) : 11.325.000 đồng	
+ Số tiền (bằng chữ) : Mười một triệu ba trăm hai mươi năm ngàn đồng chẵn	
Nội dung: Khách hàng thanh toán cho công ty vận tải Mittsu theo hóa đơn số 0000045	
<b>Giao dịch viên</b>	<b>Kiểm soát</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)*

**Bảng 2.8. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 15411**

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tour du lịch: Xuyên Việt

Số hiệu: TK 15411

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
08/12	0000244	08/12	Mua dịch vụ khách sạn	112	32.727.273	
.....	...	...				
18/12	0020433	18/12	Mua dịch vụ ăn uống tại nhà hàng	112	2.500.000	
...	...	...	...			
20/12	0000045	20/12	Cước vận chuyển hành khách	112	10.295.455	
...	.....	...	...			
31/12		31/12	Kết chuyển dịch vụ hoàn thành	632		177.026.729
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>177.026.729</b>	<b>177.026.729</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký tên)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

**2.2.4.2. Chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương theo quy định (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN). Trong phạm vi bài khóa luận

này, khoản phí nhân công trực tiếp chính là khoản tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên hướng dẫn du lịch cho tour du lịch mang tên Xuyên Việt.

**Xác định tiền lương phải trả:**

Chi phí tiền lương phải trả cho nhân công trực tiếp được xác định căn cứ vào mức lương cơ bản do nhà nước quy định và mức lương khoán của công ty.

Tiền lương của cán bộ công nhân viên của công ty được tính theo thời gian làm việc thực tế. Tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt, công ty áp dụng công thức tính lương như sau:

$$\text{Lương nhân viên hướng dẫn du lịch} = \frac{\text{Lương cơ bản} + \text{Phụ cấp lương}}{26} * \text{Số ngày công thực tế}$$

Trong đó: Lương cơ bản = mức lương tối thiểu x hệ số lương

**Tài khoản sử dụng:** Tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt, Chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh vào TK 15412 - Chi phí nhân công trực tiếp

**Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng lương nhân viên trong công ty
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty
- Một số chứng từ khác có liên quan

**Bảng 2.9. Bảng lương tháng 12 năm 2013 tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

**BẢNG LƯƠNG 2013**

**Tháng 12 – 2013**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Phụ cấp xăng xe, điện thoại	Tổng lương	Trừ lương				Thanh toán lần 1	Thanh toán lần 2	Thực lĩnh	Ghi chú
						Trích theo lương	Nghỉ						
							Số ngày nghỉ	Số tiền công nghỉ không được hưởng	Tổng số tiền trừ lương				
1	2	3	4	5	6=4+5	7= 9,5%*6	8	9= 8*6/26	10= 7+9	11	12	13= 6-10-11-12	14
1	Ngô Xuân Thu	Giám đốc	13.000.000	-	13.000.000	1.235.000	-	-	1.235.000	-	-	11.765.000	
2	Kiều Thanh Thủy	TP vé	9.000.000	-	9.000.000	855.000	-	-	855.000	-	-	8.145.000	
3	Nguyễn Phương Linh	Ticketing	4.500.000	-	4.500.000	427.500	-	-	427.500	-	-	4.072.500	
4	Đỗ Hồng Quân	Ticketing	4.000.000	-	4.000.000	380.000	1,5	230.769	610.769	-	-	3.389.231	
5	Phạm Thị Bảo Ngọc	Kế toán	7.000.000	-	7.000.000	665.000	4,0	1.076.923	1.741.923	-	-	5.258.077	
6	Trần Ngọc Thu	Kế toán	5.000.000	-	5.000.000	475.000	-	-	475.000	-	-	4.525.000	
7	Phạm Thúy Nga	Kế toán	5.500.000	-	5.500.000	522.500	-	-	522.500	-	-	4.977.500	

8	Trần Thu Trang	Kế toán	5.000.000	-	5.000.000	475.000	-	-	475.000	-	-	4.525.000	
9	Lê Hương Trà	Kế toán	3.500.000	-	3.500.000	332.500	-	-	332.500	-	-	3.167.500	
10	Nguyễn Tuấn	Tour	4.000.000	250.000	4.250.000	403.750	-	-	403.750			3.846.250	
11	Bùi Tuấn Dũng	Tour	4.000.000	-	4.000.000	380.000	-	-	380.000	-	-	3.620.000	
12	Trần Mạnh Thản	Giao vé	4.000.000	-	4.000.000	380.000	13,5	2.076.923	2.456.923	-	-	1.543.077	
13	Nguyễn Thanh Tùng	Giao vé	4.000.000	500.000	4.500.000	427.500	1,0	173.077	600.577	-	-	3.899.423	
14	Lê Hoàng Anh	Giám sát tour	7.000.000	-	7.000.000	665.000	-	-	665.000	-	-	6.335.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>79.500.000</b>	<b>750.000</b>	<b>80.250.000</b>	<b>7.623.750</b>	-	<b>3.557.692</b>	<b>11.181.442</b>	-	-	<b>69.068.558</b>	

Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)



**Bảng 2.10. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2013**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng (Ghi nợ TK)	TK 334 – Phải trả công nhân viên				TK 338 – Phải trả phải nộp khác					TK 335 – Chi phí phải trả	Tổng cộng
		Lương	Các khoản phụ cấp khác	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ 3382	BHXX 3383	BHYT 3384	BHTN 3389	Cộng có TK 338		
1	2	3	4	5	6	7= (6+12)* 2%	8= (6+12)* 17%	9= (6+12)* 3%	10=(6+12)* 1%	11	12	13
1	TK 15412 - CPNCTT	8.000.000	250.000	-	8.250.000	165.000	1.402.500	247.500	82.500	1.897.500	-	10.147.500
2	TK 15413 - CPSXC	7.000.000	-	-	7.000.000	140.000	1.190.000	210.000	70.000	1.610.000	-	8.610.000
3	TK 641 - Chi phí bán hàng	16.500.000	500.000	-	17.000.000	340.000	2.890.000	510.000	170.000	3.910.000	-	20.910.000
4	TK 642 - Chi phí quản lý	48.000.000	-	-	48.000.000	960.000	8.160.000	1.440.000	480.000	11.040.000	-	59.040.000
5	TK 142 - Chi phí trả trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	TK 335 - Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	TK 334 - Phải trả công nhân viên	-	-	-	-	-	5.617.500	1.203.750	802.500	7.623.750	-	7.623.750
8	TK 338 - Phải trả, phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		79.500.000	750.000	-	80.250.000	1.605.000	19.260.000	3.611.250	1.605.000	26.081.250	-	106.331.250

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán )

**Ví dụ 4:** Xác định lương tháng cho nhân viên hướng dẫn du lịch Nguyễn Tuấn, với mức lương tối thiểu là 2.000.000 đồng, hệ số lương là 2, phụ cấp tháng 12/2013 là 250.000 đồng, số ngày công là 26 ngày công.

Ta xác định tiền lương của nhân viên Nguyễn Tuấn như sau:

$$\text{Lương cơ bản} = 2.000.000 * 2 = 4.000.000 \text{ (đồng)}$$

$$\begin{aligned} \text{Lương tháng nhân viên} &= \frac{\text{Lương cơ bản} + \text{phụ cấp lương}}{26} * \text{Số ngày công thực tế} \\ &= \frac{4.000.000 + 250.000}{26} * 26 = 4.250.000 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

**Phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên hướng dẫn cho tour Xuyên Việt:**

Tiêu thức phân bổ tiền lương cho nhân viên hướng dẫn du lịch là theo thời gian diễn ra tour. Theo tiêu thức này, tiền lương cho nhân viên hướng dẫn du lịch theo từng tour được xác định theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Tiền lương nhân viên hướng dẫn phân bổ cho từng tour} &= \frac{\text{Lương nhân viên hướng dẫn tour}}{26} * \text{Số ngày diễn ra tour} \end{aligned}$$

**Bảng 2.11. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên hướng dẫn cho từng tour du lịch tháng 12/2013**

Đơn vị tính: VNĐ

Tour du lịch	Số ngày diễn ra tour (ngày)	Lương nhân viên hướng dẫn du lịch	Trích theo lương	
			Tính vào chi phí	Trừ vào lương
Tour Hà Nội – Hải Phòng – Hà Nội	2	634.615	145.962	60.288
Tour Hà Nội – Sầm Sơn – Hà Nội	3	951.923	218.942	90.433
Tour du lịch Xuyên Việt	21	6.663.462	1.532.596	633.029
<b>Tổng Cộng</b>	26	8.250.000	1.897.500	783.750

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

**Diễn giải :**

Tiền lương cho nhân viên hướng dẫn du lịch trong tháng 12 năm 2013 là 8.250.000 đồng (số liệu lấy trên bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12 năm 2013). Tour du lịch Xuyên Việt diễn ra trong thời gian 21 ngày. Công ty phân bổ

mức lương cho nhân viên hướng dẫn du lịch theo thời gian thực hiện tour, từ đó, ta xác định được chi phí tiền lương của nhân viên hướng dẫn cho tour du lịch Xuyên Việt như sau:

$$\frac{8.250.000}{26} * 21 = 6.663.462 \text{ đồng} \quad (\text{Làm tròn đến số nguyên gần nhất})$$

Các khoản trích theo lương của nhân viên hướng dẫn (được tính vào chi phí của công ty) cho tour du lịch Xuyên Việt, xác định như sau:

$$6.663.462 * 23\% = 1.532.596 \text{ đồng} \quad (\text{làm tròn đến số nguyên gần nhất})$$

Các khoản trích được trừ vào lương của nhân viên hướng dẫn cho tour du lịch xuyên Việt, xác định như sau:

$$6.663.462 * 9,5\% = 633.029 \text{ đồng} \quad (\text{Làm tròn đến số nguyên gần nhất})$$

Ngoài tiền lương, phụ cấp lương, nhân viên hướng dẫn tour du lịch Xuyên Việt còn được hưởng thêm khoản tiền thưởng được tính trên doanh thu tour du lịch. Tổng số tiền thưởng mà nhân viên hướng dẫn được hưởng là 2% trên doanh thu tour. Khoản tiền thưởng này, công ty sẽ chi tiền mặt thưởng cho nhân viên vào cuối tháng.

**Bảng 2.12. Bảng doanh thu và tiền thưởng nhân viên hướng dẫn theo tour**  
**Tháng 12/2013**

Đơn vị tính: VNĐ

Tour du lịch	Doanh thu	Thưởng trên doanh thu (2% * Doanh thu)
Tour Hà Nội – Hải Phòng – Hà Nội	124.000.000	2.480.000
Tour Hà Nội – Sầm Sơn – Hà Nội	240.160.000	4.803.200
Tour du lịch Xuyên Việt	643.230.000	12.864.600
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.007.390.000</b>	<b>20.147.800</b>

(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)

**Ví dụ 5:** Ngày 31/12, công ty chi tiền mặt thưởng cho nhân viên hướng dẫn du lịch trong tour Xuyên Việt là 12.864.600 đồng (người đại diện nhận là Nguyễn Tuấn, PC109)

**Bảng 2.13. Phiếu Chi**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch Quận Ba Đình, Hà Nội		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/Q Đ-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)		
<b>PHIẾU CHI</b>				
Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Tuấn		Quyển số: 01		
Địa chỉ: Nhân viên tour		Số: 109		
Về khoản: Thưởng cho nhân viên hướng dẫn tour Xuyên Việt		Nợ: 154		
		Có: 1111		
Số tiền : 12.864.600 VNĐ				
Viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm sáu mươi tư ngàn sáu trăm đồng chẵn				
Kèm theo: chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)*

**Bảng 2.14. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 15412**

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Tour du lịch: Xuyên Việt

Số hiệu: 15412

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	TK Đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số Dư Đầu Kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
31/12	BPBTL NVHD	31/12	Tiền Lương chính, phụ cấp nhân viên hướng dẫn du lịch	334	6.663.462	
			Trích theo lương	338	1.532.596	
31/12	PC109	31/12	Thưởng trên doanh thu cho nhân viên hướng dẫn	111	12.864.600	
31/12		31/12	Kết chuyển dịch vụ hoàn thành	632		21.060.658
			<b>Cộng Số Phát Sinh</b>		21.060.658	21.060.658
			<b>Số Dư Cuối Kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người ghi sổ**  
(Ký tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký tên)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

**2.2.4.3. Chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch gồm các chi phí cơ bản khác như: lương nhân viên giám sát tour du lịch, công tác phí của cán bộ hướng dẫn du lịch là chi phí mà công ty phải chi trả cho nhân viên hướng dẫn như tiền mà nhân viên hướng dẫn phải chi ra để thuê chỗ ở trong quá trình thực hiện chuyến du lịch, cước hành lý tài liệu mang theo làm việc..., chi phí giao dịch, ký kết hợp đồng du

lịch, hoa hồng cho các môi giới, chi phí dịch vụ mua ngoài hay các chi phí bằng tiền khác

**Tài khoản sử dụng:** Tài khoản kế toán sử dụng để hạch toán là tài khoản 15413 – Chi phí sản xuất chung

**Chứng từ sử dụng:**

- Bảng lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Hóa đơn cung cấp dịch vụ.
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
- Một số chứng từ khác liên quan

**Ví dụ 6:** Xác định lương tháng cho nhân viên giám sát Lê Hoàng Anh, với mức lương tối thiểu là 2.000.000 đồng, hệ số lương là 3.5, không có phụ cấp lương, số ngày công là 26 ngày công.

Ta xác định tiền lương của nhân viên giám sát Lê Hoàng Anh như sau:

$$\text{Lương cơ bản} = 2.000.000 * 3.5 = 7.000.000 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Lương tháng nhân viên} = \frac{\text{Lương cơ bản} + \text{phụ cấp lương}}{26} * \text{Số ngày công thực tế}$$

$$= \frac{7.000.000}{26} * 26 = 7.000.000 \text{ (đồng)}$$

**Phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên giám sát tour Xuyên Việt**

Tiêu thức phân bổ tiền lương cho nhân viên giám sát tour là theo doanh thu tour. Theo tiêu thức này, tiền lương cho nhân viên giám sát theo từng tour được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lương nhân viên giám sát phân bổ cho từng tour} = \frac{\text{Lương nhân viên giám sát tour}}{\text{Tổng doanh thu}} * \text{Doanh thu tour}$$

**Bảng 2.15. Bảng phân bổ tiền lương của nhân viên giám sát cho từng tour du lịch tháng 12/2013**

Đơn vị tính: VNĐ

Tour du lịch	Doanh thu tour	Lương nhân viên giám sát tour	Trích theo lương	
			Tính vào chi phí	Trừ vào lương
Tour Hà Nội – Hải Phòng – Hà Nội	124.000.000	861.633	198.176	81.855
Tour Hà Nội – Sầm Sơn – Hà Nội	240.160.000	1.668.787	383.821	158.535
Tour du lịch Xuyên Việt	643.230.000	4.469.580	1.028.003	424.610
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.007.390.000</b>	<b>7.000.000</b>	<b>1.610.000</b>	<b>665.000</b>

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

**Diễn giải :**

Tiền lương cho nhân viên giám sát tour du lịch trong tháng 12 năm 2013 là 7.000.000 đồng (số liệu lấy trên bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương). Công ty phân bổ lương của nhân viên giám sát tour du lịch theo doanh thu tour. Dựa bảng doanh thu và tiền thưởng đã lập ở trên (bảng 2.12), ta thấy doanh thu cho tour Xuyên Việt là 643.230.000 đồng, tổng doanh thu trong tháng 12 là 1.007.390.000 đồng. Từ đó, ta xác định mức lương cho nhân viên giám sát tour Xuyên Việt như sau:

$$\frac{7.000.000}{1.007.390.000} * 643.230.000 = 4.469.580 \text{ (đồng)}$$

Các khoản trích theo lương của nhân viên giám sát tour (tính vào chi phí công ty) cho tour du lịch Xuyên Việt xác định như sau:

$$4.469.580 * 23\% = 1.028.003 \text{ đồng (Làm tròn đến số nguyên gần nhất)}$$

Các khoản trích được trừ vào lương của nhân viên giám sát tour du lịch xuyên Việt, xác định như sau:

$$4.469.580 * 9,5\% = 424.610 \text{ đồng (Làm tròn đến số nguyên gần nhất)}$$

Ngoài tiền lương, phụ cấp lương chính, nhân viên giám sát tour du lịch Xuyên Việt cũng được hưởng thêm khoản tiền thưởng được tính trên doanh thu tour du lịch. Nhân viên giám sát tour được hưởng 2% trên doanh thu tour. Khoản tiền thưởng này, công ty sẽ chi tiền mặt thưởng cho nhân viên vào cuối tháng.

**Bảng 2.16. Bảng doanh thu và tiền thưởng nhân viên giám sát**  
**Tháng 12/2013**

Đơn vị tính : VNĐ

<b>Tour du lịch</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Thưởng trên doanh thu (2% * doanh thu)</b>
Tour Hà Nội – Hải Phòng – Hà Nội	124.000.000	2.480.000
Tour Hà Nội – Sầm Sơn – Hà Nội	240.160.000	4.803.200
Tour du lịch Xuyên Việt	643.230.000	12.864.600
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.007.390.000</b>	<b>20.147.800</b>

*(Nguồn: Phòng tài chính – Kế toán)*

**Ví dụ 7:** Ngày 31/12, công ty chi tiền mặt chi trả tiền thưởng cho nhân viên giám sát tour Lê Hoàng Anh số tiền là 12.864.000 đồng (PC110)

**Bảng 2.17. Phiếu Chi**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch Quận Ba Đình, Hà Nội		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của BTC)		
<b>PHIẾU CHI</b>				
Họ tên người nhận tiền: Lê Hoàng Anh Địa chỉ: Nhân viên giám sát tour Về khoản: Thưởng cho nhân viên giám sát tour Xuyên Việt		Quyền số: 01 Số: 110 Nợ: 154 Có: 1111		
Số tiền: 12.864.600 VNĐ Viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm sáu mươi tư ngàn sáu trăm đồng chẵn Kèm theo:      chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

*( Nguồn: Phòng tài chính – kế toán )*



**Ví dụ 8:** Ngày 31/12/2013, công ty nhận được hóa đơn hoa hồng môi giới từ công ty TNHH Liên Hiệp Nguyễn Lê (theo HD0001034). Đây là khoản chi phí công ty trích từ doanh thu để trả cho công ty TNHH Liên Hiệp Nguyễn Lê cho công tác môi giới du lịch. Công ty đã chi trả khoản chi phí này bằng tiền mặt ( người nhận: Nguyễn Xuân An – phòng kế toán, công ty TNHH Liên Hiệp Nguyễn Lê, PC113 ).

**Bảng 2.18. Hóa đơn hoa hồng môi giới**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho người mua			Ký hiệu: AB/13P		
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			Số: 0001034		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Liên Hiệp Nguyễn Lê					
Mã số thuế: 0101248286					
Địa chỉ: Số 24 ngõ 21B phố Cát linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa					
Họ tên người mua hàng: ...					
Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt					
Mã số thuế: 0103836043					
Địa chỉ: Số 25 Phố Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Hóa đơn hoa hồng môi giới du lịch				51.458.400
Thuế suất GTGT: 10%			Cộng tiền hàng : 51.458.400		
			Tiền thuế GTGT : 5.145.840		
			Tổng cộng tiền thanh toán : 56.604.240		
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi sáu triệu sáu trăm linh bốn ngàn hai trăm bốn mươi đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
( ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	

( Nguồn: Phòng tài chính – kế toán )

**Bảng 2.19. Phiếu chi**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch Quận Ba Đình, Hà Nội	Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/Q Đ-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)			
<b>PHIẾU CHI</b>				
Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Xuân An	Quyển số: 01			
Địa chỉ: Phòng kế toán - Công ty TNHH Liên Hiệp Nguyễn Lê	Số: 113			
Về khoản: Chi trả hoa hồng môi giới cho tour du lịch	Nợ: 154			
Xuyên Việt	Có: 1111			
Số tiền : 56.604.240 VNĐ				
Viết bằng chữ: Năm mươi sáu triệu sáu trăm linh bốn ngàn hai trăm bốn mươi đồng chẵn				
Kèm theo: chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng tài chính – kế toán )

**Ví dụ 9:** Sau khi hoàn thành tour du lịch, ngày 31/12, Công ty chi tiền mặt chi trả công tác phí cho nhân viên hướng dẫn du lịch là 6.000.000 đồng (Công tác phí này là số tiền doanh nghiệp phải trả cho nhân viên hướng dẫn vì trong quá trình thực hiện tour hướng dẫn viên du lịch phải thuê phòng ở hoặc mua vật dụng cần thiết trong quá trình thực hiện tour). Người nhận là Nguyễn Tuấn nhân viên tour, PC115

**Bảng 2.20. Phiếu chi**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch Quận Ba Đình, Hà Nội		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của BTC)	
<b>PHIẾU CHI</b>			
Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Tuấn		Quyền số: 01	
Địa chỉ: Nhân viên tour		Số: 115	
Về khoản: Chi trả công tác phí hướng dẫn du lịch cho tour du lịch		Nợ: 154	
Xuyên Việt		Có : 1111	
Số tiền : 6.000.000 VNĐ			
Viết bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn			
Kèm theo: chứng từ gốc			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Thủ quỹ (Ký, họ tên)			

*(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)*

**Bảng 2.21. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 15413****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung – TK 15413

Tour du lịch: Xuyên Việt

Số hiệu: 15413

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
...	...	...				
31/12	BPBTL NVGS	31/12	Lương nhân viên giám sát tour	334	4.469.580	
			Trích theo lương	338	1.028.003	
31/12	PC110	31/12	Tiền thưởng theo doanh thu	111	12.864.600	
31/12	0001034 PC113	31/12	Chi trả hoa hồng cho môi giới	111	51.458.400	
....	...	...				
31/12	PC115	31/12	Chi trả công tác phí hướng dẫn du	111	6.000.000	
31/12		31/12	Kết chuyển dịch vụ hoàn thành	632		79.395.000
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>79.395.000</b>	<b>79.395.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

**2.2.4.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt áp dụng theo quyết định số 48 ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài Chính. Các chi phí phát sinh trong tour du

lịch Xuyên Việt được phản ánh trên các tài khoản: TK 15411, TK 15412, TK 15413. Các chi phí này sẽ được tổng hợp trực tiếp trên TK 154. Do đặc điểm của loại hình kinh doanh du lịch là quá trình sản xuất cũng chính là quá trình tiêu thụ, do vậy, các chi phí phát sinh sẽ được kết chuyển luôn sang TK 632.

**Bảng 2.22. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh – TK 632**

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại

Mẫu số S18 - DNN

và du lịch Tân Thành Đạt

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC)

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tour du lịch: Xuyên việt

Số hiệu: 6321

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			
31/12		31/12	Kết chuyển CPNVLT	15411	177.026.729	
31/12		31/12	Kết chuyển CPNCTT	15412	21.060.658	
31/12		31/12	Kết chuyển CPSXC	15413	79.395.000	
31/12		31/12	Kết chuyển sang TK 911	911		277.482.387
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>277.482.387</b>	<b>277.482.387</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

### 2.3. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt

Trong tour du lịch Xuyên Việt, chuyến du lịch đã hoàn thành trong tháng nên Công ty không thực hiện việc đánh giá sản phẩm dở dang.

### 2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt

Tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt, phương pháp tính giá thành sản phẩm tại công ty là phương pháp giản đơn theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực} \\ \text{của sản phẩm dịch} & = & \text{tế dở dang} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{tế dở dang} \\ \text{vụ hoàn thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trên cơ sở chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã tập hợp trên các sổ TK 1541, kế toán lập thẻ tính giá thành cho tour du lịch Xuyên Việt như sau:

**Bảng 2.23. Thẻ tính giá thành tour du lịch Xuyên Việt**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt

Số 25 Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ**

**Tour du lịch: Xuyên việt**

Chỉ tiêu	Tổng số	Theo khoản mục chi phí		
		NVLTT	NCTT	SXC
1. Giá trị SPDD đầu kỳ	0	0	0	0
2. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	277.482.387	177.026.729	21.060.658	79.395.000
3. Giá thành sản phẩm hoàn thành	277.482.387	177.026.729	21.060.658	79.395.000
4. Giá trị SPDD cuối kỳ	0	0	0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

### Bảng 2.24. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại

Mẫu số 03a - DNN

và du lịch Tân Thành Đạt

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC)

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG (trích)

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Cộng trang trước mang sang</b>			
	...	...	...			
08/12	0000244 GBN130	08/12	mua dịch vụ khách sạn	154	32.727.273	
				133	3.272.727	
				112		36.000.000
...	...	...				
18/12	0020433 GBN132	18/12	Chi phí ăn uống tại khách sạn	154	2.500.000	
				133	250.000	
				112		2.750.000
...	...	...				
20/12	0000045 GBN135	20/12	Thanh toán chi phí vận chuyển	154	10.295.455	
				133	1.029.545	
				112		11.325.000
31/12	PC109	31/12	Thưởng theo doanh thu cho nhân viên hướng dẫn	154	12.864.600	
				111		12.864.600
...	...	...				
31/12	PC110	31/12	Thưởng theo doanh thu cho nhân viên giám sát	154	12.864.600	
				111		12.864.600

31/12	0001034 PC113	31/12	Chi trả hoa hồng cho môi giới	154	51.458.400	
				133	5.145.840	
				111		56.604.240
...	...	...				
31/12	PC115	31/12	Chi trả công tác phí hướng dẫn du	154	6.000.000	
				111		6.000.000
31/12	BPBTL NVHD	31/12	Thanh toán lương cho nhân viên hướng dẫn	154	6.663.462	
				334		6.663.462
31/12	BPBTL NVHD	31/12	Trích theo lương	154	1.532.596	
				334	633.029	
				338		2.165.625
31/12	BPBTL NVGS	31/12	Lương nhân viên giám sát tour	154	4.469.580	
				334		4.469.580
31/12	BPBTL NVGS	31/12	Trích theo lương	154	1.028.003	
				334	424.610	
				338		1.452.613
31/12		31/12	Kết chuyển dịch vụ hoàn thành	632	277.482.387	
				154		277.482.387
...	...	...				
			<b>Cộng phát sinh</b>		540.081.924	540.081.924

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)



**Bảng 2.25. Sổ cái – TK 154**  
**SỔ CÁI (Trích)**  
**Năm 2013**

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
08/12	0000244 GBN130	08/12	mua dịch vụ khách sạn	112	32.727.273	
...	...	...				
18/12	0020433 GBN132	18/12	Chi phí ăn uống tại khách sạn	112	2.500.000	
...	...	...				
20/12	0000045 GBN135	20/12	Thanh toán chi phí vận chuyển	112	10.295.455	
...	...	...				
31/12	PC109	31/12	Thưởng trên doanh thu cho nhân viên hướng dẫn	111	12.864.600	
31/12	PC110	31/12	Thưởng trên doanh thu cho nhân viên hướng dẫn	111	12.864.600	
31/12	0001034 PC113	31/12	Chi trả hoa hồng cho môi giới	111	51.458.400	
...	...	...				
31/12	PC115	31/12	Chi trả công tác phí hướng dẫn du	111	6.000.000	
31/12	BPBTL NVHD	31/12	Thanh toán lương cho nhân viên hướng dẫn	334	6.663.462	
31/12	BPBTL NVHD	31/12	Trích theo lương	338	1.532.596	
31/12	BPBTL NVGS	31/12	Thanh toán lương nhân viên giám sát	334	4.469.580	
31/12	BPBTL NVGS	31/12	Trích theo lương	338	1.028.003	

31/12	PKT	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành	632		277.482.387
			<b>Cộng phát sinh</b>	X	390.088.924	390.088.924
			<b>Số dư cuối kỳ</b>	X	X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính – kế toán)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP GIÚP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TÂN THÀNH ĐẠT

### **Nhận xét chung:**

Trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, bất kể doanh nghiệp Nhà nước hay doanh nghiệp tư nhân không tránh khỏi quy luật vốn có của nó, trong đó quy luật tự do cạnh tranh để tồn tại và phát triển là quy luật khắc nghiệt nhất. Đây là vấn đề mà nhà quản lý đều chú trọng và quan tâm hàng đầu. Để chiến thắng trong cạnh tranh phải kể đến nhiều yếu tố nhưng trong đó yếu tố về giá thành là một yếu tố quyết định nhất vì giá thành hạ làm cho giá bán hạ từ đó đem lại lợi nhuận cho công ty mà lợi nhuận là tiền đề để cất cánh cho cạnh tranh không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng hóa loại hình kinh doanh, được đông đảo khách hàng biết đến và tín nhiệm đó là phương châm hoạt động kinh doanh của công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt

### **3.1. Đánh giá thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

#### **3.1.1. Ưu điểm**

##### **- Về bộ máy quản lý:**

Bộ máy quản lý của công ty khá là gọn nhẹ, mỗi bộ phận có nhiệm vụ, chức năng rõ ràng, cụ thể nhưng vẫn có sự liên kết chặt chẽ giữa các bộ phận trong công ty.

Ban giám đốc công ty có trình độ chuyên môn cao, khả năng lãnh đạo tốt, luôn luôn tìm tòi, học hỏi để tìm ra phương hướng phát triển mới cho công ty. Không những vậy, Công ty còn có đội ngũ công nhân viên luôn luôn nhiệt tình, năng động, nắm vững chuyên môn, điều này đã giúp công ty thu hút và tạo được niềm tin đối với khách hàng dẫn đến tăng khả năng kinh doanh của công ty.

##### **- Về bộ máy kế toán:**

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt có bộ máy kế toán khá gọn nhẹ, điều này giúp giảm thiểu chi phí quản lý cho doanh nghiệp. Hiện nay, bộ phận kế toán ở công ty đã và đang hoạt động có hiệu quả đảm bảo chức năng cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho ban giám đốc và các bộ phận liên quan. Thành công này có được là do sự cố gắng vượt bậc của đội ngũ nhân viên trong phòng kế toán công ty. Đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, có tinh thần trách nhiệm và trình độ nghiệp vụ cao. Nhìn chung, việc tổ chức bộ máy kế toán tài chính nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty xét trên của hai khía cạnh: phù hợp chuẩn mực kế toán chung và phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Về chứng từ kế toán:

Công ty đã sử dụng hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán khá đầy đủ theo quy định của Bộ Tài Chính. Các chứng từ ban đầu được theo dõi một cách chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác của các số liệu. Việc luân chuyển chứng từ, sổ sách được tổ chức một cách nhịp nhàng, hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, đặc biệt là cho công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

- Về đối tượng tập hợp chi phí:

Hiện nay, công ty đã tập hợp chi phí theo đối tượng là từng tour du lịch và phân loại chi phí theo khoản mục. Điều này giúp cho công tác tập hợp chi phí tiến hành thuận lợi hơn và phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Về hình thức ghi sổ:

Kế toán sử dụng hình thức ghi sổ “nhật ký chung”, hình thức ghi sổ này khá dễ ghi, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra giúp cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch được dễ dàng và chính xác hơn, đồng thời hình thức ghi sổ này cũng phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của công ty hiện nay.

- Về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch:

Về kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Do đặc thù của ngành du lịch là không cố định một địa điểm mà luôn thay đổi, do vậy, công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt không thể cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho bên khách hàng được, vì thế, công ty chủ yếu mua dịch vụ từ bên ngoài doanh nghiệp, điều này sẽ thuận lợi hơn cho công ty giúp công ty có thể tổ chức nhiều tour tại nhiều địa điểm khác nhau mà không quá lo lắng tới vấn đề không cung cấp đủ dịch vụ phục vụ khách hàng.

Về kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp: Công ty có lập bảng lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương. Điều này giúp công ty dễ dàng hơn trong công tác tập hợp chi phí và tính giá thành. Đồng thời, tiền lương cho nhân viên hướng dẫn du lịch của công ty được phân bổ cho từng tour theo thời gian diễn ra tour, tiêu thức phân bổ theo thời gian là hợp lý.

Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung: Lương của nhân viên giám sát được phân bổ cho từng tour du lịch theo doanh thu tour. Khác với nhân viên hướng dẫn du lịch, vai trò của nhân viên giám sát là theo dõi quá trình thực hiện chuyến du lịch chứ không trực tiếp tham gia vào, do vậy với tiêu thức phân bổ theo thời gian là không phù hợp. Vì vậy, công ty lựa chọn tiêu thức phân bổ lương nhân viên giám sát theo doanh thu tour.

Về công tác tính giá thành: Hiện tại, Công ty sử dụng phương pháp tính giá thành giản đơn, phương pháp này phù hợp với loại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và quy trình kinh doanh giản đơn.

### 3.1.2.Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đáng kể trên thì công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

- Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán công ty khá đơn giản, điều này cũng có nhiều ưu điểm giúp công ty dễ dàng trong công tác quản lý, tuy nhiên, với bộ máy kế toán như vậy thì kế toán trưởng phải đảm nhiệm một lượng công việc lớn.

- Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác hạch toán:

Thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển thì càng đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải nắm bắt được kịp thời những thông tin thị trường. Vì vậy đòi hỏi các công ty phải hiện đại hóa mạng lưới thông tin. Trên thực tế công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt chưa đáp ứng được yêu cầu này cụ thể là hệ thống máy tính tại công ty còn chưa thực sự tốt, công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán mà vẫn dùng phương pháp thủ công do vậy nếu với số lượng công việc lớn thì công tác hạch toán sẽ mất thời gian và tốn nhiều công sức.

- Về luân chuyển chứng từ:

Do công ty chủ yếu mua dịch vụ đầu vào từ các doanh nghiệp bên ngoài mà các tour du lịch thường diễn ra ở xa, do đó các hóa đơn dịch vụ mua vào thường được các doanh nghiệp bên bán dịch vụ chuyển tới công ty sau khi tour đã hoàn thành hoặc vào cuối tháng. Vì vậy xảy ra trường hợp có ngày nhân viên khá nhàn nhưng có lúc công việc bị dồn nén hết vào cùng một thời điểm gây khó khăn cho nhân viên.

- Về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch

Với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Việc xác định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chịu sự chi phối của nhà cung cấp nên hoàn toàn bị động và bị phụ thuộc vào giá các dịch vụ đầu vào. Do vậy, nếu công ty không có sự tính toán, nghiên cứu kỹ lưỡng với các hợp đồng đã ký trước với khách thì rất có thể công ty sẽ phải chịu lỗ.

- Ngoài ra, một số hạn chế khác mà công ty gặp phải đó là:

Do đặc tính dễ bắt chước của chương trình du lịch và khoảng cách về chất lượng giữa các chương trình du lịch của các công ty du lịch ngày càng gần, cùng với đặc tính mang tính thời vụ trong kinh doanh du lịch và quyền thương lượng của khách hàng ngày càng tăng...những điều này dẫn tới một thực tế là tính cạnh tranh trong nội bộ ngành này càng trở nên khốc liệt hơn.

Trong bối cảnh nền kinh tế khủng hoảng, giá cả vào ngày càng tăng, và có những biến động bất thường người tiêu dùng lại khá nhạy cảm về giá khiến công ty gặp không ít những khó khăn.

Đội ngũ nhân viên có trình độ ngoại ngữ chưa tốt lắm, do vậy, với tour du lịch có khách nước ngoài hoặc những tour quốc tế thì cũng gặp phải không ít khó khăn trong quá trình thực hiện dịch vụ với khách hàng.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt**

Qua một số vấn đề còn tồn tại ở công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt về cách hạch toán chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch thì công ty nên đưa ra một hướng đổi mới nhằm hoàn thiện hơn bộ máy kế toán và công tác hạch toán sao cho hợp lý hóa và nâng cao tính hiệu quả quá trình hạch toán chi phí. Đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cơ chế kinh tế hiện nay, hòa nhập với sự tiến bộ của nền kinh tế thế giới nói chung và chế độ kế toán thống nhất trên thế giới đã, đang và sẽ trực tiếp được thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn. Trên cơ sở đó, việc tính đúng, tính đủ để khắc phục những vấn đề tồn tại trên trong công tác hạch toán chi phí và tính giá thành dịch vụ tại công ty, trong khóa luận này do sự hiểu biết còn hạn hẹp cộng thêm kiến thức thực tế chưa nhiều tôi xin đưa ra một số ý kiến đóng góp sau:

#### **- Hoàn thiện bộ máy kế toán:**

Hiện tại, bộ máy kế toán tại công ty khá gọn nhẹ, chặt chẽ. Tuy nhiên, với nền kinh tế ngày càng phát triển, quy mô công ty ngày càng được mở rộng, do vậy, trong những trường hợp công ty có nhiều dự án lớn thì lượng công việc cho nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán ở thời điểm hiện tại khá nhiều. Với số lượng công việc nhiều như thế thì dễ gây áp lực cho nhân viên, do vậy, em xin đề xuất công ty có thể tuyển thêm kế toán chi tiết cho từng phần hành và kế toán tổng hợp và nên có một kế toán quản trị

#### **- Về ứng dụng công nghệ tin vào công tác hạch toán:**

Hiện tại, công ty vẫn dùng theo phương pháp thủ công để hạch toán và xác định các khoản chi phí. Điều này sẽ mất nhiều thời gian và công sức của kế toán, đồng thời cũng dễ xảy ra sai sót, nhầm lẫn gây ra hậu quả đáng tiếc. Do vậy, công ty nên áp dụng một số phần mềm kế toán để phục vụ cho công tác hạch toán được dễ dàng và đảm bảo tính chính xác hơn. Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay phục vụ cho công tác hạch toán kế toán là phần mềm kế toán MISA, phần mềm kế toán SIMBA ACCOUNTING, phần mềm kế toán SMART... Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt kinh doanh chủ yếu về dịch vụ, do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán SMART.

#### **- Về luân chuyển chứng từ:**

Công ty nên thống nhất với bên cung cấp dịch vụ gửi hóa đơn về cho công ty vào một ngày gần nhất sau khi dịch vụ đã được thực hiện xong để bộ phận kế toán tiến

hành nhập số liệu dần, tránh tình trạng có nhiều tour du lịch sau khi hoàn thành chứng từ được gửi về công ty vào hết các ngày cuối tháng, với số lượng chứng từ lớn như vậy thì sai sót là điều khó tránh khỏi.

- Hoàn thiện công tác tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch

Với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Do chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch phụ thuộc chủ yếu vào bên cung cấp dịch vụ, do vậy công ty cần có sự tính toán kỹ lưỡng, đồng thời có sự tìm hiểu về giá cả dịch vụ mua vào trước, tránh tình trạng không tìm hiểu để xảy ra những trường hợp đáng tiếc khiến công ty không thu được lợi nhuận như mong muốn thậm chí là bị lỗ.

## KẾT LUẬN

Du lịch là ngành được quan tâm và được ưu tiên hàng đầu trong cơ cấu kinh tế của nước ta. Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung và trong doanh nghiệp dịch vụ nói riêng đang được rất nhiều doanh nghiệp quan tâm. Hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí bỏ ra để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của đơn vị có như vậy mới đảm bảo bù đắp được chi phí về lao động sống và lao động vật hóa trong quá trình hoạt động du lịch và để lại lợi nhuận cho đơn vị. Vấn đề này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạch toán chi phí dịch vụ du lịch và tính giá thành sản phẩm, giúp cho bộ máy quản lý của đơn vị thường xuyên nắm được tình hình thực hiện các định mức hao phí về lao động sống, nguyên liệu và các chi phí khác của đơn vị, nắm được tình hình lãng phí và tồn thất trong quá trình phục vụ, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành đơn vị.

Kết hợp giữa kiến thức đã tiếp thu tại trường và quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty, em đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ du lịch tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt. Do thời gian thực tập có nhiều hạn chế cộng thêm kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên trong khi làm bài cũng không tránh khỏi sai sót. Kính mong nhận được những lời nhận xét, góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Th.s Mai Thanh Thủy cùng sự giúp đỡ của các cô, các bác, anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã giúp đỡ để em có thể hoàn thành được bài khóa luận này.

Hà Nội, tháng 7 năm 2014  
Sinh viên

**Trần Khánh Huyền**



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC của bộ tài chính vào ngày 14/09/2006 ban hành chế độ kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
2. Các tài liệu của Công ty TNHH dịch vụ thương mại và du lịch Tân Thành Đạt.
3. Các trang web: [www.webketoan.vn](http://www.webketoan.vn), [www.danketoan.com](http://www.danketoan.com), [http://ketoan.org/...](http://ketoan.org/)